

Số:...../2026/NĐ-CP

Dự thảo ngày...../8/2026

NGHỊ ĐỊNH
QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
VÀ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THI HÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 05/2026/QH16;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và biện pháp bảo đảm thi hành.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (sau đây gọi chung là Trung tâm) và Chi nhánh của Trung tâm; trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, sáp nhập Chi nhánh của Trung tâm; chế độ, chính sách, ưu đãi của trợ giúp viên pháp lý, thù lao và chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý của luật sư, cộng tác viên trợ giúp pháp lý; về bổ nhiệm, cấp thẻ, cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý và trình tự, thủ tục bổ nhiệm, cấp thẻ, cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý; về miễn nhiệm, thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý và trình tự, thủ tục miễn nhiệm, thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý; về cộng tác viên trợ giúp pháp lý và trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý; về kiến nghị trong hoạt động trợ giúp pháp lý và trình tự, thủ tục kiến nghị trong hoạt động trợ giúp pháp lý; trách nhiệm quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý; khiếu nại trong trợ giúp pháp lý và trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại trong trợ giúp pháp lý; biện pháp bảo đảm thi hành Luật Trợ giúp pháp lý.

Điều 2. Người lao động có thu nhập thấp là người bị buộc tội, bị hại

Người lao động có thu nhập thấp là người bị buộc tội, bị hại bao gồm:

1. Người lao động là người bị buộc tội, bị hại thuộc hộ gia đình mới thoát nghèo nhưng không thuộc hộ cận nghèo trong thời hạn 3 năm kể từ ngày có quyết định công nhận thoát hộ thoát nghèo.

2. Người lao động là người bị buộc tội, bị hại không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và có thu nhập bình quân đầu người/tháng thấp hơn hoặc bằng mức lương tối thiểu tháng do Chính phủ quy định áp dụng tại địa bàn nơi người lao động làm việc.

Điều 3. Tổ chức, hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước

1. Trung tâm có Giám đốc, Phó Giám đốc, Trợ giúp viên pháp lý, viên chức và người lao động khác. Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm phải là Trợ giúp viên pháp lý.

2. Giám đốc Trung tâm, Phó Giám đốc Trung tâm do Giám đốc Sở Tư pháp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Giám đốc Trung tâm là người đứng đầu Trung tâm và là người đại diện theo pháp luật của Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tư pháp và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm. Phó Giám đốc Trung tâm phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác do Giám đốc Trung tâm phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm về kết quả công tác được giao.

3. Trung tâm có thể có các phòng, ban, Chi nhánh hoặc các tổ chức cấu thành khác không phải là đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý và pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng, ban, Chi nhánh hoặc tổ chức cấu thành khác không phải là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.

Giám đốc Trung tâm bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Trưởng, Phó trưởng các phòng, ban, Chi nhánh hoặc các tổ chức cấu thành khác không phải là đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 4. Tiêu chuẩn bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm

1. Trợ giúp viên pháp lý có đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được đề nghị bổ nhiệm làm Giám đốc Trung tâm:

a) Có ít nhất 03 năm là Trợ giúp viên pháp lý hoặc thẩm phán hoặc kiểm sát viên trung cấp trở lên hoặc điều tra viên trung cấp trở lên hoặc có 05 năm làm công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý trong ngành Tư pháp;

b) Có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đối với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm

Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm bị cách chức khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Có một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Trợ giúp pháp lý;
2. Vi phạm nghiêm trọng quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý;
3. Có hành vi vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức kỷ luật cách chức theo quy định của pháp luật về viên chức.

Điều 6. Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước

1. Chi nhánh chịu sự quản lý của Trung tâm. Chi nhánh có con dấu để giao dịch, sử dụng cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trợ giúp pháp lý.

Tên Chi nhánh được đặt theo địa bàn, khu vực hoặc tên gọi khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và phải bảo đảm phân biệt với các Chi nhánh khác của Trung tâm. Tên Trung tâm chủ quản và tên Chi nhánh được thể hiện trên biển tên, con dấu và văn bản theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chi nhánh có Trưởng Chi nhánh là Trợ giúp viên pháp lý, do Giám đốc Trung tâm bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Trưởng Chi nhánh chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm về hoạt động của Chi nhánh.

Chi nhánh có thể có Phó Trưởng Chi nhánh theo quy định của pháp luật về tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Chi nhánh có ít nhất 01 Trợ giúp viên pháp lý làm việc thường xuyên tại Chi nhánh; có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết để thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý theo quy định.

4. Chi nhánh có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật; cử người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa bàn được phân công;

b) Thực hiện hoạt động truyền thông về trợ giúp pháp lý tại địa bàn được phân công;

c) Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định;

d) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về hoạt động trợ giúp pháp lý của Chi nhánh;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến trợ giúp pháp lý theo phân công của Giám đốc Trung tâm.

Điều 7. Thủ tục thành lập Chi nhánh

1. Giám đốc Sở Tư pháp lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập Chi nhánh của Trung tâm. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình về việc thành lập Chi nhánh, trong đó nêu rõ sự cần thiết thành lập Chi nhánh;

b) Ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ;

c) Dự thảo Quyết định thành lập Chi nhánh;

c) Ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ về việc thành lập Chi nhánh.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định về việc thành lập Chi nhánh.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thành lập Chi nhánh, Giám đốc Trung tâm bổ nhiệm Trưởng Chi nhánh

4. Việc thành lập Chi nhánh phải được Sở Tư pháp công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp, Trang Thông tin điện tử của Trung tâm (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định bổ nhiệm Trưởng Chi nhánh với các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở, số điện thoại của Chi nhánh;

b) Ngày ra quyết định thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Chi nhánh;

c) Họ và tên Trưởng Chi nhánh; danh sách người thực hiện trợ giúp pháp lý;

d) Phạm vi trợ giúp pháp lý của Chi nhánh.

Điều 8. Thủ tục giải thể Chi nhánh

1. Giám đốc Sở Tư pháp lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giải thể Chi nhánh. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình về việc giải thể Chi nhánh;

b) Ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ;

c) Dự thảo Quyết định giải thể Chi nhánh.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giải thể Chi nhánh.

3. Trưởng Chi nhánh, Phó Trưởng Chi nhánh đương nhiên thôi giữ chức vụ kể từ ngày có quyết định giải thể Chi nhánh.

4. Việc giải thể Chi nhánh phải được Sở Tư pháp công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp, Trang Thông tin điện tử của Trung tâm (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định giải thể Chi nhánh với các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở, số điện thoại của Chi nhánh;
- b) Ngày ra quyết định giải thể;
- c) Ngày chấm dứt hoạt động của Chi nhánh;

5. Quyết định cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của Chi nhánh giải thể có giá trị sử dụng khi vụ việc trợ giúp pháp lý chưa kết thúc.

Điều 9. Thủ tục sáp nhập Chi nhánh

1. Giám đốc Sở Tư pháp lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sáp nhập Chi nhánh. Hồ sơ bao gồm:

- a) Tờ trình về việc sáp nhập Chi nhánh;
- b) Ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ;
- c) Dự thảo Quyết định sáp nhập Chi nhánh.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sáp nhập Chi nhánh.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định sáp nhập Chi nhánh, Giám đốc Trung tâm bổ nhiệm Trưởng Chi nhánh.

4. Việc sáp nhập Chi nhánh phải được Sở Tư pháp công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp, Trang Thông tin điện tử của Trung tâm (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định sáp nhập Chi nhánh với các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở, số điện thoại của Chi nhánh sáp nhập;
- b) Ngày ra quyết định sáp nhập và ngày bắt đầu hoạt động của Chi nhánh sáp nhập;
- c) Họ và tên Trưởng Chi nhánh; danh sách người thực hiện trợ giúp pháp lý;
- d) Ngày chấm dứt hoạt động của Chi nhánh bị sáp nhập;
- đ) Phạm vi trợ giúp pháp lý của Chi nhánh sáp nhập.

5. Quyết định cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của Chi nhánh bị sáp nhập có giá trị sử dụng khi vụ việc trợ giúp pháp lý chưa kết thúc.

Điều 10. Số lượng người làm việc, cơ sở vật chất của Trung tâm

1. Căn cứ vào khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, yêu cầu của công tác trợ giúp pháp lý tại địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng người làm việc của Trung tâm.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, điều kiện làm việc cho Trung tâm.

3. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động của Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Trung tâm được sử dụng kinh phí nghiệp vụ để thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý và các hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động của Trung tâm được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 11. Thủ tục bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý

1. Giám đốc Trung tâm lập danh sách người làm việc ở Trung tâm có đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý gửi Sở Tư pháp đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách người được đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý, Giám đốc Sở Tư pháp lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý bao gồm:

a) Văn bản của Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý;

b) Lý lịch trích ngang của người được đề nghị bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý;

c) Ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm;

d) Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật hoặc Bằng thạc sĩ luật hoặc Bằng tiến sĩ luật;

đ) Bản sao Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư hoặc Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý; trường hợp được miễn tập sự trợ giúp pháp lý thì phải có bản sao giấy tờ chứng minh là người được miễn tập sự trợ giúp pháp lý; trường hợp đã được bổ nhiệm, cấp thẻ theo Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 thì phải có bản sao quyết định bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý;

e) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp trợ giúp viên pháp lý chuyển công tác đến Trung tâm thuộc tỉnh, thành phố khác thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận quyết định cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý.

Hồ sơ đề nghị cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý bao gồm:

- a) Văn bản của Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý.
- b) Ảnh màu chân dung cỡ 2 cm và 3 cm;
- c) Bản sao quyết định bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý;
- d) Bản sao quyết định thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý do chuyển công tác;
- đ) Bản sao quyết định tiếp nhận hoặc điều động công tác;
- e) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

Điều 12. Thủ tục cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý

1. Trong trường hợp thẻ trợ giúp viên pháp lý bị mất, bị hư hỏng, trợ giúp viên pháp lý gửi hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ đến Giám đốc Trung tâm. Sau khi nhận được đơn đề nghị cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý, Giám đốc Trung tâm lập hồ sơ gửi Giám đốc Sở Tư pháp.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý;
- b) Ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm;
- c) Thẻ trợ giúp viên pháp lý bị hư hỏng đối với trường hợp thẻ trợ giúp viên pháp lý bị hư hỏng.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý.

Thẻ trợ giúp viên pháp lý được cấp lại giữ nguyên số thẻ đã cấp lần đầu nhưng thời gian cấp ghi trên thẻ là ngày, tháng, năm được cấp lại.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý.

Điều 13. Thủ tục miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý

1. Giám đốc Sở Tư pháp lập hồ sơ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý đối với người thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Trợ giúp pháp lý.

Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý bao gồm:

a) Văn bản của Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị miễn nhiệm, thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý;

b) Bản sao giấy tờ, tài liệu chứng minh trợ giúp viên pháp lý thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Trợ giúp pháp lý.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý; người bị thu hồi thẻ có trách nhiệm nộp lại thẻ cho Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có trách nhiệm thu và tiêu hủy thẻ, đăng tải Thông báo hủy thẻ trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

Quá thời hạn nêu trên mà người bị thu hồi không nộp lại thẻ, Sở Tư pháp đăng tải Thông báo hủy thẻ trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

4. Người bị miễn nhiệm và thu hồi thẻ theo quy định tại khoản 1 Điều này có quyền khiếu nại quyết định miễn nhiệm và thu hồi thẻ. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Điều 14. Thủ tục thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý

1. Giám đốc Sở Tư pháp lập hồ sơ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý đối với trường hợp trợ giúp viên pháp lý chuyển công tác đến Trung tâm nhà nước thuộc tỉnh hoặc thành phố khác.

Hồ sơ đề nghị thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý bao gồm:

a) Văn bản của Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý;

b) Bản sao quyết định điều động, tiếp nhận hoặc giấy tờ khác chứng minh việc chuyển công tác.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý, người bị thu hồi thẻ có trách nhiệm nộp lại thẻ cho Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có trách nhiệm thu và tiêu hủy thẻ trợ giúp viên pháp lý, đăng tải Thông báo hủy thẻ trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

Quá thời hạn nêu trên mà người bị thu hồi không nộp lại thẻ, Sở Tư pháp đăng tải Thông báo hủy thẻ trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

Điều 15. Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý

1. Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 24 của Luật Trợ giúp pháp lý, nếu có nguyện vọng làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý (sau đây gọi chung là cộng tác viên) và đồng ý với các nội dung của hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp thì gửi 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm nơi mình cư trú. Hồ sơ đề nghị làm cộng tác viên bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị làm cộng tác viên theo mẫu;
- b) Ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm;
- c) Người đã nghỉ hưu hoặc thôi việc theo nguyện vọng hoặc thôi việc vì lý do khách quan nộp giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu hoặc thôi việc theo nguyện vọng hoặc thôi việc vì lý do khách quan; văn bản cam kết về việc không thuộc các trường hợp quy định điểm a và điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý.
- d) Viên chức đang làm việc nộp văn bản của cơ quan nơi viên chức đang công tác trong đó xác nhận thời gian làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên (đối với viên chức giữ hạng III và tương đương) hoặc xác nhận làm công tác pháp luật (đối với viên chức giữ hạng I, hạng II và tương đương), xác nhận không thuộc các trường hợp quy định điểm a và điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý và đồng ý để viên chức tham gia làm cộng tác viên.

2. Việc nộp hồ sơ đề nghị làm cộng tác viên đối với người thuộc điểm a khoản 1 Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý được thực hiện như sau:

- a) Trường hợp nộp trực tiếp tại trụ sở Trung tâm, người đề nghị làm cộng tác viên nộp các giấy tờ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này; xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu hoặc thôi việc theo nguyện vọng hoặc thôi việc vì lý do khách quan; văn bản cam kết về việc không thuộc các trường hợp quy định điểm a và điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý;
- b) Trường hợp gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, người đề nghị làm cộng tác viên gửi các giấy tờ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này; bản sao giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu hoặc thôi việc theo nguyện vọng hoặc thôi việc vì lý do khách quan; văn bản cam kết về việc không thuộc các trường hợp quy định điểm a và điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý;
- c) Trường hợp gửi qua hình thức trực tuyến, người đề nghị làm cộng tác viên gửi các giấy tờ đã được số hóa bao gồm: giấy tờ quy định điểm a, b khoản 1 Điều này; giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu hoặc thôi việc theo nguyện vọng hoặc thôi việc vì lý do khách quan; văn bản cam kết về việc không thuộc các trường hợp quy định điểm a và điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý.

3. Việc nộp hồ sơ đề nghị làm công tác viên đối với người thuộc điểm b khoản 1 Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý được thực hiện như sau:

a) Trường hợp nộp trực tiếp tại trụ sở Trung tâm hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, người đề nghị làm công tác viên nộp các giấy tờ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này; văn bản của cơ quan nơi viên chức đang công tác trong đó xác nhận thời gian làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên (đối với viên chức giữ hạng III và tương đương) hoặc xác nhận làm công tác pháp luật (đối với viên chức giữ hạng I, hạng II và tương đương), xác nhận không thuộc các trường hợp quy định điểm a và b khoản 2 Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý và đồng ý để viên chức tham gia làm công tác viên;

b) Trường hợp gửi qua hình thức trực tuyến, người đề nghị làm công tác viên gửi các giấy tờ đã được số hóa bao gồm: giấy tờ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này; văn bản của cơ quan nơi viên chức đang công tác trong đó xác nhận thời gian làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên (đối với viên chức giữ hạng III và tương đương) hoặc xác nhận làm công tác pháp luật (đối với viên chức giữ hạng I, hạng II và tương đương), xác nhận không thuộc các trường hợp quy định điểm a và điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý và đồng ý để viên chức tham gia làm công tác viên.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Trung tâm thông báo bằng văn bản yêu cầu người đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Người đề nghị có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Trung tâm. Hết thời hạn này mà người đề nghị không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì Trung tâm trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ nhu cầu trợ giúp pháp lý của người dân và điều kiện thực tế tại địa phương, Giám đốc Trung tâm lựa chọn hồ sơ trình Giám đốc Sở Tư pháp xem xét cấp thẻ công tác viên.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Giám đốc Trung tâm trình, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, quyết định cấp thẻ công tác viên theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành.

Trường hợp từ chối phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người đề nghị làm công tác viên. Người bị từ chối có quyền khiếu nại đối với việc từ chối cấp thẻ công tác viên. Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

6. Giám đốc Trung tâm ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với người được cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý để thực hiện tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tổ tụng tại địa phương.

Điều 16. Sử dụng thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý

1. Khi thực hiện trợ giúp pháp lý, cộng tác viên phải mang theo thẻ cộng tác viên và xuất trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý.

2. Cộng tác viên có trách nhiệm bảo quản thẻ cộng tác viên. Nghiêm cấm việc dùng thẻ cộng tác viên vào mục đích tư lợi hoặc vào việc riêng. Cộng tác viên không được cho người khác mượn thẻ cộng tác viên; khi mất thẻ cộng tác viên thì phải thông báo bằng văn bản ngay cho Giám đốc Trung tâm nơi ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý.

3. Cộng tác viên vi phạm các quy định về việc sử dụng thẻ cộng tác viên, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm thì bị thu hồi thẻ, bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Giám đốc Trung tâm, Giám đốc Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi thẻ cộng tác viên. Quyết định thu hồi thẻ được gửi cho cộng tác viên. Thẻ cộng tác viên hết giá trị sử dụng kể từ thời điểm quyết định thu hồi có hiệu lực.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi thẻ cộng tác viên, người bị thu hồi thẻ có trách nhiệm nộp lại thẻ cho Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có trách nhiệm thu và tiêu hủy thẻ cộng tác viên, đăng tải Thông báo hủy thẻ trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

Quá thời hạn nêu trên mà người bị thu hồi không nộp lại thẻ, Sở Tư pháp đăng tải Thông báo hủy thẻ trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

3. Người bị thu hồi thẻ cộng tác viên có quyền khiếu nại đối với quyết định thu hồi thẻ của Giám đốc Sở Tư pháp. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Điều 18. Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý

1. Trường hợp thẻ cộng tác viên bị mất hoặc bị hư hỏng, cộng tác viên làm đơn đề nghị cấp lại thẻ (theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành) kèm theo ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm gửi Trung tâm.

2. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại thẻ, Giám đốc Trung tâm kiểm tra danh sách cộng tác viên theo sổ thẻ đã cấp

cho cộng tác viên và đề nghị Giám đốc Sở Tư pháp quyết định cấp lại thẻ cộng tác viên cho người đề nghị.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ do Giám đốc Trung tâm trình, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, quyết định cấp lại thẻ cộng tác viên. Thẻ cộng tác viên được cấp lại giữ nguyên số thẻ đã cấp lần đầu nhưng thời gian cấp ghi trên thẻ là ngày, tháng, năm được cấp lại.

4. Trường hợp thay đổi nơi cư trú từ tỉnh, thành phố này sang tỉnh, thành phố khác, cộng tác viên có trách nhiệm đến Trung tâm nhà nước nơi đã tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý để thanh lý hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý và nộp lại thẻ cộng tác viên đã được cấp.

Điều 19. Chế độ, chính sách, ưu đãi đối với trợ giúp viên pháp lý

1. Trợ giúp viên pháp lý có các vị trí việc làm của viên chức theo quy định của pháp luật.

2. Trợ giúp viên pháp lý được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo nghề bằng 30% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp vượt khung (nếu có).

3. Trợ giúp viên pháp lý, được cấp trang phục riêng theo tiêu chuẩn, niên hạn sau đây:

a) Quần áo vest: cấp 02 năm/01 lần, lần đầu được cấp 02 bộ, các lần sau mỗi lần 01 bộ;

b) Áo sơ mi dài tay: cấp hàng năm, lần đầu được cấp 02 cái, các lần sau mỗi lần 01 cái;

c) Quần áo xuân hè: cấp hàng năm, lần đầu được cấp 02 bộ, các lần sau mỗi lần 01 bộ;

d) Giày da: 01 đôi/01 năm;

đ) Dép quai hậu: 01 đôi/01 năm;

e) Thắt lưng: 01 cái/02 năm;

g) Cà vạt: 01 cái/02 năm;

h) Bít tất: 02 đôi/01 lần/01 năm;

i) Cặp đựng tài liệu: 01 cái/02 năm;

k) Biển hiệu: 01 cái (cấp 01 lần).

Mẫu trang phục, việc quản lý, cấp phát và sử dụng trang phục thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Điều 20. Thời gian thực hiện trợ giúp pháp lý làm căn cứ chi trả thù lao, bồi dưỡng thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý

1. Thù lao, bồi dưỡng thực hiện trợ giúp pháp lý được xác định trên cơ sở thời gian làm việc thực tế mà người thực hiện trợ giúp pháp lý đã bỏ ra để thực hiện trực tiếp cho vụ việc trợ giúp pháp lý.

2. Thời gian thực hiện trợ giúp pháp lý được xác định bao gồm: Thời gian gặp gỡ, tiếp xúc với người được trợ giúp pháp lý hoặc thân nhân của họ, thời gian xác minh vụ việc trợ giúp pháp lý, thời gian làm việc tại các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý; thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ việc, chuẩn bị tài liệu tại tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và thời gian hợp lý khác phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý được xác định trên cơ sở xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 21. Thù lao, bồi dưỡng và chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý của người thực hiện trợ giúp pháp lý

1. Khi thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng, luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm được hưởng thù lao theo buổi làm việc (1/2 ngày làm việc) là 0,38 mức lương cơ sở/01 buổi làm việc nhưng tối đa không quá 30 buổi làm việc/01 vụ việc hoặc theo hình thức khoán chi vụ việc với mức tối thiểu bằng 03 mức lương cơ sở/01 vụ việc và mức tối đa không quá 10 mức lương cơ sở/01 vụ việc (căn cứ vào tính chất phức tạp, yêu cầu tố tụng và nội dung của từng vụ việc cụ thể).

Khi áp dụng việc thanh toán thù lao theo buổi làm việc, thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ việc, thời gian gặp gỡ, thời gian chuẩn bị các tài liệu, luận cứ bào chữa, bảo vệ và thời gian thực hiện các công việc hợp lý khác tối đa không quá số buổi trả để thực hiện các công việc này áp dụng theo khoán chi vụ việc.

2. Khi thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức đại diện ngoài tố tụng, luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm, cộng tác viên trợ giúp pháp lý, được hưởng thù lao là 0,31 mức lương cơ sở/buổi làm việc nhưng tối đa không quá 20 buổi làm việc/01 vụ việc.

3. Trợ giúp viên pháp lý khi thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng, được hưởng mức bồi dưỡng bằng 50% mức thù lao áp dụng đối với luật sư quy định tại khoản 1 Điều này, được hưởng mức bồi dưỡng bằng 20% khi thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức đại diện ngoài tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Khi thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức tư vấn pháp luật theo phân công của Giám đốc Trung tâm, luật sư, cộng tác viên trợ giúp pháp lý ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm được hưởng thù lao từ 0,08 -

0,15 mức lương cơ sở/01 văn bản tư vấn pháp luật tùy tính chất phức tạp và nội dung của vụ việc.

5. Ngoài thù lao, bồi dưỡng vụ việc quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, khi thực hiện bằng hình thức tham gia tổ tụng, đại diện ngoài tổ tụng cần có thời gian thu thập chứng cứ hoặc xác minh làm rõ vụ việc, người thực hiện trợ giúp pháp lý còn được thanh toán chi phí phát sinh thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý như sau:

a) Các khoản phí phải nộp theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và các chi phí hành chính khác phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện trợ giúp pháp lý;

Căn cứ để xác định chi phí hợp lý là biên lai thu phí, lệ phí, hóa đơn tài chính hoặc giấy biên nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tài chính.

b) Trong trường hợp đi công tác phục vụ giải quyết vụ việc trợ giúp pháp lý thì người thực hiện trợ giúp pháp lý được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí như đối với viên chức đi công tác.

6. Tính chất, nội dung vụ việc, cách tính buổi, thời gian để làm căn cứ chi trả thù lao, bồi dưỡng thực hiện vụ việc cho người thực hiện trợ giúp pháp lý theo buổi làm việc thực tế hoặc khoán chi vụ việc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp

Điều 22. Thù lao và chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý của tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý

1. Sở Tư pháp thanh toán thù lao và chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý cho tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý.

2. Mức thù lao và chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý chi trả cho tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý được thực hiện tương ứng theo mức chi trả cho luật sư, cộng tác viên ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm quy định tại Điều 21 Nghị định này.

Điều 23. Thủ tục đề nghị thanh toán thù lao, bồi dưỡng và chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý

1. Đối với hình thức thanh toán theo buổi làm việc, người thực hiện trợ giúp pháp lý gửi Trung tâm hoặc Chi nhánh các loại giấy tờ sau:

a) Bảng kê thời gian thực tế đã thực hiện theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành có xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi người thực hiện trợ giúp pháp lý đến làm việc hoặc gặp gỡ;

b) Bảng kê chi phí thực hiện trợ giúp pháp lý kèm theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định hiện hành về tài chính;

c) Văn bản đề nghị thanh toán.

2. Đối với hình thức thanh toán theo khoán chi vụ việc, người thực hiện trợ giúp pháp lý gửi Trung tâm hoặc Chi nhánh các loại giấy tờ sau:

a) Bảng kê công việc đã thực hiện theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành có xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi người thực hiện trợ giúp pháp lý đến làm việc hoặc gặp gỡ;

b) Bảng kê chi phí thực hiện trợ giúp pháp lý kèm theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định hiện hành về tài chính;

c) Văn bản đề nghị thanh toán.

3. Đối với đề nghị thanh toán vụ việc tư vấn pháp luật, luật sư, cộng tác viên trợ giúp pháp lý gửi Trung tâm hoặc Chi nhánh các loại giấy tờ sau:

a) Văn bản tư vấn pháp luật;

b) Văn bản đề nghị thanh toán.

4. Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý khi đề nghị thanh toán vụ việc trợ giúp pháp lý theo buổi làm việc hoặc theo khoán chi vụ việc gửi Sở Tư pháp tỉnh, thành phố nơi ký hợp đồng các giấy tờ sau:

a) Các giấy tờ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này;

b) Văn bản đề nghị thanh toán.

5. Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý khi đề nghị thanh toán vụ việc tư vấn pháp luật gửi Sở Tư pháp tỉnh, thành phố nơi ký hợp đồng các giấy tờ sau:

a) Văn bản tư vấn pháp luật;

b) Văn bản đề nghị thanh toán.

6. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ hợp lệ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, Chi nhánh nơi cử người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm chuyển hồ sơ đề nghị thanh toán về Trung tâm để thanh toán theo quy định.

7. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các giấy tờ hợp lệ theo quy định tại Điều này, Trung tâm có trách nhiệm thanh toán thù lao, bồi dưỡng và chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý cho người đề nghị; Sở Tư pháp có trách nhiệm thanh toán thù lao và chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý cho tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định.

8. Trong trường hợp các giấy tờ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thanh toán, Trung tâm yêu cầu người thực hiện trợ giúp pháp lý, Sở Tư pháp yêu cầu tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý bổ sung giấy tờ, tài liệu.

Quá thời hạn nêu trên mà người thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý không bổ sung đầy đủ giấy tờ, tài liệu hợp lệ theo yêu cầu thì việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở hồ sơ, tài liệu thực tế đã có và đủ căn cứ xác định nội dung, kết quả thực hiện vụ việc.

9. Việc thanh toán đối với những trường hợp thụ lý ngay theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Luật Trợ giúp pháp lý thực hiện theo buổi làm việc thực tế quy định tại Điều 21 Nghị định này và khoản 1 Điều này.

Điều 24. Thù lao lấy ý kiến luật sư, chuyên gia pháp luật tham gia đánh giá hoặc tư vấn đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý phức tạp

1. Luật sư có kinh nghiệm, chuyên gia pháp luật độc lập với cơ quan có thẩm quyền đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý và tổ chức thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý (không bao gồm trợ giúp viên pháp lý và cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước) được hưởng thù lao tối đa không quá 500 nghìn đồng/vụ việc khi tham gia đánh giá hoặc tư vấn đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý phức tạp

2. Cơ quan có thẩm quyền đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý thanh toán thù lao lấy ý kiến luật sư, chuyên gia pháp luật tham gia đánh giá hoặc tư vấn đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý phức tạp.

Điều 25. Kiến nghị trong hoạt động trợ giúp pháp lý

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan nhận được kiến nghị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn trả lời có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Trường hợp cơ quan nhận kiến nghị không trả lời đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có quyền kiến nghị lên cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan đó để giải quyết.

Điều 26. Giải quyết khiếu nại

1. Người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm giải quyết khiếu nại đối với hành vi sau đây:

- a) Từ chối thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý;
- b) Không thực hiện trợ giúp pháp lý;

- c) Thực hiện trợ giúp pháp lý không đúng pháp luật;
- d) Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý không đúng pháp luật.

2. Người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm giải quyết khiếu nại đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc quá thời hạn mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lên Giám đốc Sở Tư pháp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm giải quyết khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Sở Tư pháp có hiệu lực thi hành. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Sở Tư pháp hoặc quá thời hạn mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án.

Điều 27. Khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử trong giải quyết hồ sơ

1. Không yêu cầu cá nhân, tổ chức có liên quan nộp bản giấy các thông tin có thể khai thác được từ cơ sở dữ liệu.

2. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện khai thác thông tin, giấy tờ là thành phần hồ sơ thủ tục hành chính tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Trường hợp không thể khai thác được hoặc khai thác không đầy đủ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu người đề nghị thực hiện thủ tục hành chính cung cấp thông tin, giấy tờ bổ sung.

Điều 28. Cơ sở dữ liệu về trợ giúp pháp lý

1. Cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý bao gồm các nhóm dữ liệu sau:

- a) Dữ liệu về tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;
- b) Dữ liệu về người thực hiện trợ giúp pháp lý;
- c) Dữ liệu về vụ việc trợ giúp pháp lý: số lượng, loại vụ việc, kết quả thực hiện;
- d) Dữ liệu về người được trợ giúp pháp lý;
- đ) Các dữ liệu khác phục vụ quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.

2. Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành và nâng cấp hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý trên Cổng Pháp luật quốc gia; phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu trợ giúp

pháp lý; phối hợp với Bộ Công an trong thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu trợ giúp pháp lý trên toàn quốc.

3. Việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu trợ giúp pháp lý thực hiện theo quy định pháp luật về dữ liệu, an ninh mạng và chuyển đổi số.

4. Việc quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý trên Cổng Pháp luật quốc gia được thực hiện theo Quy chế do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 29. Kết nối, chia sẻ dữ liệu trợ giúp pháp lý

1. Việc kết nối, tích hợp, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu trợ giúp pháp lý trên Cổng Pháp luật quốc gia thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Tuân thủ pháp luật về chuyển đổi số, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật về trợ giúp pháp lý;

b) Bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và thống nhất của dữ liệu được nhập, lưu trữ và khai thác trên hệ thống;

c) Dữ liệu cá nhân của người được trợ giúp pháp lý phải được bảo mật; chỉ được khai thác, sử dụng cho mục đích thực hiện trợ giúp pháp lý, quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý và theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc được sự đồng ý bằng văn bản của người được trợ giúp pháp lý;

d) Bảo đảm khả năng kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định;

đ) Cơ quan, tổ chức cung cấp dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của dữ liệu do mình cung cấp.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý với Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định pháp luật về dữ liệu, an ninh mạng và chuyển đổi số.

3. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý với các cơ sở dữ liệu khác của bộ, ngành, địa phương được thực hiện theo quy định pháp luật, trên cơ sở thống nhất bằng văn bản giữa Bộ Tư pháp với cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu được kết nối.

4. Các Trang thông tin về công tác trợ giúp pháp lý ở địa phương được liên kết, tích hợp trên Cổng Thông tin điện tử Trợ giúp pháp lý Việt Nam.

Điều 30. Chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng trong trợ giúp pháp lý

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành chỉ tiêu vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng hằng năm đối với trợ giúp viên pháp lý.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo Trung tâm tổ chức thực hiện chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng được giao.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện làm việc của Trung tâm, Chi nhánh của Trung tâm bao gồm:

a) Bố trí trụ sở làm việc ổn định, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trợ giúp pháp lý;

b) Bảo đảm kinh phí hoạt động của Trung tâm theo mức tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Bảo đảm trang thiết bị, phương tiện làm việc và hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động trợ giúp pháp lý;

d) Bảo đảm chế độ, chính sách, ưu đãi đối với viên chức và người lao động của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc tạo lập, tích hợp, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý trên Cổng Pháp luật quốc gia, bao gồm:

a) Chỉ đạo Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan tại địa phương cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời dữ liệu về hoạt động trợ giúp pháp lý lên cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý; phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc kết nối, tích hợp dữ liệu trợ giúp pháp lý tại địa phương;

b) Bố trí hạ tầng công nghệ thông tin và nguồn lực cần thiết để thực hiện kết nối, liên thông dữ liệu với Cổng Pháp luật quốc gia.

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Trung tâm trong việc triển khai thực hiện công tác trợ giúp pháp lý trên địa bàn, bao gồm:

1. Truyền thông về trợ giúp pháp lý; phối hợp với Trung tâm, Chi nhánh của Trung tâm trong việc truyền thông về trợ giúp pháp lý;

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công dân, trường hợp công dân là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý và có vụ việc cụ thể liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên địa bàn thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu đến Trung tâm, Chi nhánh của Trung tâm;

3. Phối hợp xác minh, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu;

4. Bố trí địa điểm phù hợp để Trung tâm, Chi nhánh của Trung tâm thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý tại cơ sở;

5. Phản ánh, trao đổi với Trung tâm về những khó khăn phát sinh trong quá trình triển khai trợ giúp pháp lý.

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ Điều 40 Nghị định 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

Điều 34. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ thành lập, giải thể, sáp nhập Chi nhánh, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ, cấp lại thẻ, miễn nhiệm, thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý, hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý, hồ sơ giải quyết kiến nghị trong hoạt động trợ giúp pháp lý, hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo, hồ sơ đề nghị thanh toán thù lao, bồi dưỡng và chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa giải quyết xong thì được tiếp tục giải quyết theo quy định của Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý.

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Hưng

TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2b).



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH
HƯỚNG DẪN CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THI HÀNH**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và biện pháp bảo đảm thi hành.

I. Tổng số cơ quan, đơn vị đã gửi xin ý kiến góp ý, phản biện xã hội

Tổng số các cơ quan, tổ chức được gửi lấy ý kiến theo Công văn số 5791/BTP-PB&TG ngày 30/6/2026 là **132** cơ quan, đơn vị.

- Bộ, ngành và cơ quan thuộc Chính phủ: **08** cơ quan, đơn vị: (1) Bộ Công an, (2) Bộ Quốc phòng, (3) Bộ Dân tộc và Tôn giáo, (4) Bộ Nội vụ, (5) Bộ Tài chính, (6) Viện kiểm sát nhân dân tối cao, (7) Tòa án nhân dân tối cao, (8) Văn phòng Chính phủ.

- Các cơ quan, đơn vị khác: **06** cơ quan, đơn vị: (1) Vụ Pháp luật, Ban Nội chính Trung ương, (2) Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, (3) Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, (4) Liên đoàn Luật sư Việt Nam, (5) Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, (6) Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- Một số đơn vị thuộc Bộ Tư pháp: **11** đơn vị: (1) Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, (2) Vụ Tổ chức cán bộ, (3) Cục Kế hoạch - Tài chính, (4) Cục Kiểm tra văn bản và Theo dõi thi hành pháp luật, (5) Cục Bổ trợ tư pháp, (6) Cục Pháp luật hình sự - hành chính và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, (7) Cục Pháp luật quốc tế và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, (8) Cục Pháp luật dân sự - kinh tế, (9) Cục kiểm soát thủ tục hành chính, (10) Cục Công nghệ thông tin, (11) Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý.

- Địa phương: (1) 34 Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố; (2) 34 Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố; (3) 39 Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước các tỉnh, thành phố.

II. Kết quả cụ thể như sau:

Đến ngày 15/8/2026, đã nhận được **93/132** ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, các đơn vị thuộc Bộ và các địa phương.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý, PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I. DỰ THẢO TỜ TRÌNH			
Tính thống nhất với dự thảo Nghị định	Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Khoa học và Công nghệ; Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Trung tâm TGPLNN thành phố Đồng Nai	Rà soát nội dung của Tờ trình bảo đảm thống nhất với các điều khoản trong dự thảo Nghị định (về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; nội dung phân cấp, phân quyền...).	Tiếp thu và rà soát nội dung của Tờ trình bảo đảm thống nhất với dự thảo Nghị định.
Về cơ sở pháp lý	Vụ Tổ chức cán bộ	Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chỉnh lý nội dung về trích dẫn quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL giao Chính phủ quy định chi tiết tại tiểu mục 1.2 mục 1 phần I dự thảo Tờ trình. Ví dụ: Chính phủ giao quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của Trung tâm và chi nhánh Trung tâm, trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, sáp nhập chi nhánh của Trung tâm tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý số 05/2026/QH16, không phải quy định tại khoản 3 Điều 11 như dự thảo Tờ trình nêu.	Nội được giao quy định chi tiết được quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật số 05/2026/QH16 là do Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý được thể hiện dưới hình thức sửa đổi, bổ sung các điều, khoản của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. Vì vậy, cách trích dẫn trong dự thảo Tờ trình được xác định trên cơ sở tổng thể các nội dung của Luật Trợ giúp pháp lý và Luật sửa đổi, bổ sung, không chỉ căn cứ vào vị trí điều, khoản được sửa đổi, bổ sung. Tuy nhiên, đơn vị chủ trì soạn thảo sẽ rà soát, chỉnh lý kỹ thuật viện dẫn để bảo đảm chính xác, thống nhất và thuận tiện trong quá trình theo dõi, áp dụng.

Sự cần thiết ban hành	Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng, Trung tâm TGPLNN thành phố Hải Phòng	Nghiên cứu, bổ sung nội dung về sự cần thiết tăng mức thù lao, bồi dưỡng theo hướng liệt kê và phân tích các nhiệm vụ cụ thể mà người thực hiện TGPL đang thực hiện và tính chất các vụ việc để khẳng định mức thù lao, bồi dưỡng cho người thực hiện TGPL còn thấp, chưa tương xứng với tính chất yêu cầu chuyên môn và khối lượng công việc mà trợ giúp viên pháp lý đang thực hiện.	Tiếp thu, bổ sung liệt kê, phân tích rõ hơn những về tính chất công việc mà trợ giúp viên pháp lý đang thực hiện.
Về cơ sở thực tiễn	Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng, Trung tâm TGPLNN thành phố Hải Phòng	Bổ sung các nội dung về việc trả thù lao theo mức quy định hiện hành chưa thu hút được các luật sư, chuyên gia giỏi tham gia vào hoạt động TGPL.	TGPL là dịch vụ pháp lý miễn phí do Nhà nước bảo đảm, có tính chất xã hội, nhân đạo; việc luật sư tham gia thực hiện TGPL không chỉ nhằm mục tiêu thu nhập mà còn thể hiện trách nhiệm xã hội, tinh thần nghề nghiệp và sự tham gia đóng góp của luật sư trong bảo đảm quyền tiếp cận công lý của người được TGPL. Mặt khác, mức thù lao hiện hành đã được quy định tương đối bảo đảm, hợp lý đối với công sức của luật sư và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Do đó, chưa có cơ sở để tiếp tục tăng mức thù lao của luật sư.
Về văn bản áp dụng	Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng, Trung tâm TGPLNN tỉnh Cao Bằng	- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập đã hết hiệu lực do được thay thế bởi Nghị định số 299/2026/NĐ-CP. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo sửa lại thành “Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập”. - Tại tiểu mục 1.2, mục 1, phần I, đề nghị bổ sung nội dung: “<i>Tại điểm a khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: Chính phủ ban hành</i>	- Tiếp thu và sửa lại thành Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập; bổ sung tiểu mục 1.2 mục 1, phần I. - Thẩm quyền đã được giao theo Luật ban

		<i>ng nghị định để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;” để làm rõ thẩm quyền của Chính phủ trong việc ban hành Nghị định.</i>	hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL.
Những nội dung khác	Hội Luật gia Việt Nam	- Đề nghị bổ sung đánh giá về thực trạng nguồn nhân lực, khối lượng công việc của trợ giúp viên pháp lý và tác động của việc tin gọn bộ máy đối với hoạt động TGPL để làm rõ hơn về các chính sách được đề xuất trong dự thảo Nghị định. Dự thảo Tờ trình chưa phản ánh đầy đủ áp lực thực tế đối với đội ngũ trợ giúp viên pháp lý trong bối cảnh phạm vi đối tượng được TGPL càng mở rộng, số lượng vụ việc có xu hướng ngày càng tăng. - Về tổ chức mạng lưới TGPL sau sắp xếp đơn vị hành chính, cần bổ sung đánh giá tác động và Chi nhánh nhà nước phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm người dân vẫn được tiếp cận dịch vụ TGPL thuận lợi, kịp thời. - Đề nghị bổ sung thêm cơ sở thực tiễn và số liệu so sánh đối với chế độ áp dụng đối với một số chức danh nghề nghiệp trong khu vực công có tính chất công việc tương đồng hoặc có yêu cầu, áp lực nghề nghiệp cao.	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung vào Tờ trình đánh giá về thực trạng nguồn nhân lực; bổ sung đánh giá tác động và Chi nhánh nhà nước phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; bổ sung thêm cơ sở thực tiễn và số liệu so sánh đối với chế độ áp dụng đối với một số chức danh nghề nghiệp trong khu vực công.
	Vụ Tổ chức cán bộ	Dự thảo Nghị định điều chỉnh tăng mức phụ cấp trách nhiệm nghề lên 30% và mức 50% bồi dưỡng so với luật sư khi thực hiện vụ việc tham gia tố tụng của trợ giúp viên pháp lý cần có đánh giá tác động kỹ hơn về tác động tích cực, tác động tiêu cực đối với từng phương án trên các lĩnh vực: kinh tế, xã hội,.. theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định hướng dẫn thi hành	Tiếp thu ý kiến này, tại dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung đánh giá tác động cụ thể hơn đối với từng phương án trên các lĩnh vực: kinh tế, xã hội...

Luật này để từ đó thấy sự cần thiết và thuyết phục của việc tăng mức phụ cấp và bồi dưỡng này.

II. DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPLNN	Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Sở Tư pháp tỉnh/thành phố: Hà Nội Đắk Lắk, Thanh Hóa	- Khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định mới chỉ quy định Trung tâm “có thể có các phòng, ban hoặc các tổ chức cấu thành khác”, nhưng chưa đề cập đến Chi nhánh của Trung tâm - mô hình tổ chức đã được quy định trong Luật TGPL và có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ TGPL tại địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc địa bàn có nhu cầu TGPL cao. Việc không quy định rõ Chi nhánh trong điều khoản về tổ chức Trung tâm có thể dẫn đến cách hiểu chưa đầy đủ về cơ cấu tổ chức của Trung tâm. - Đề nghị nghiên cứu, rà soát, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 2 như sau: “Trung tâm có thể có các phòng, ban hoặc các tổ chức cấu thành khác không phải là đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật TGPL và pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập” để phù hợp với quy định tại Điều 6 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý khoản 3 Điều 2 như sau: “Trung tâm có thể có các phòng, ban, Chi nhánh hoặc các tổ chức cấu thành khác không phải là đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý và pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng, ban, Chi nhánh hoặc tổ chức cấu thành khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập. Giám đốc Trung tâm bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Trưởng, Phó trưởng các phòng, ban, Chi nhánh hoặc các tổ chức cấu thành khác theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập”.
	Bộ Quốc phòng	Đề nghị bỏ cụm từ “có thể” tại khoản 3 Điều 2 để quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức nhằm tránh trục lợi chính sách; đề nghị bổ sung giấy tờ pháp lý về trụ sở, địa chỉ hoạt động của Trung tâm để thống nhất với khoản 4.	Quy định tại khoản 3 Điều 2 sử dụng cụm từ “có thể” nhằm bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức, hoạt động của Trung tâm, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của

			từng địa phương và yêu cầu quản lý trong từng thời kỳ. Cơ cấu tổ chức cụ thể của Trung tâm được thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định có liên quan. Đối với đề nghị bổ sung giấy tờ pháp lý về trụ sở, địa chỉ hoạt động của Trung tâm, thông tin về trụ sở, địa chỉ hoạt động của Trung tâm đã được thể hiện trong Tờ trình đề nghị thành lập Trung tâm; do đó, không cần thiết yêu cầu bổ sung giấy tờ pháp lý riêng về nội dung này, tránh phát sinh thêm thành phần hồ sơ, thủ tục không cần thiết.
Về Chi nhánh của Trung tâm	Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng, Trung tâm TGPLNN thành phố Hải Phòng	Đề nghị bổ sung nhiệm vụ của Chi nhánh: Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến giải quyết vụ việc TGPL theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 13 Luật TGPL năm 2017 để phù hợp với thẩm quyền thực hiện TGPL theo quy định của pháp luật và cử người thực hiện TGPL tại địa bàn được phân công; đồng thời đảm bảo quyền chủ động trong hoạt động TGPL.	Việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chi nhánh phải bảo đảm phù hợp với Luật TGPL năm 2017 và không được mở rộng thẩm quyền cho Chi nhánh vượt quá phạm vi luật định. Theo điểm e khoản 1 Điều 13 và Điều 36 Luật TGPL năm 2017, tổ chức TGPL có quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến giải quyết vụ việc TGPL. Vì vậy, không có cơ sở pháp lý để giao trực tiếp nhiệm vụ này cho Chi nhánh trong văn bản quy định chi tiết; việc bổ sung sẽ dẫn đến quy định vượt quá thẩm quyền được Luật giao.

	Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng, Trung tâm TGPLNN tỉnh Cao Bằng	Đề nghị nghiên cứu bổ sung căn cứ, tiêu chí thành lập Chi nhánh của Trung tâm, trên cơ sở nhu cầu TGPL, số lượng người thuộc diện được TGPL, đặc điểm địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận dịch vụ và điều kiện bảo đảm về nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất. Quy định cụ thể các tiêu chí này sẽ tạo cơ sở thống nhất cho địa phương, bảo đảm việc thành lập Chi nhánh phù hợp nhu cầu thực tế, sử dụng hiệu quả nguồn lực, tránh dàn trải.	Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý quy định “<i>Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu trợ giúp pháp lý tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước</i>”. Các yếu tố như số lượng người thuộc diện được TGPL, đặc điểm địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận dịch vụ, nhân lực, kinh phí và cơ sở vật chất đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét trong quá trình quyết định thành lập. Do điều kiện giữa các địa phương và từng thời kỳ khác nhau, việc quy định cụ thể, cứng các tiêu chí trong Nghị định có thể làm hạn chế tính chủ động, linh hoạt của địa phương.
	Sở Tư pháp: Phú Thọ; Trung tâm TGPLNN tỉnh: Phú Thọ	Đề xuất nâng số lượng trợ giúp viên pháp lý tối thiểu làm việc thường xuyên tại Chi nhánh từ 01 lên 05 người vì sau khi thực hiện sắp xếp, mở rộng địa giới hành chính cấp tỉnh, địa bàn phụ trách của nhiều Chi nhánh được mở rộng đáng kể, khối lượng vụ việc TGPL và yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ theo Luật TGPL ngày càng tăng. Nếu Chi nhánh chỉ có 01 trợ giúp viên pháp lý làm việc thường xuyên thì khó bảo đảm thực hiện đầy đủ, liên tục các nhiệm vụ được giao, nhất là trong trường hợp trợ giúp viên pháp lý tham gia tổ tụng, thực hiện các vụ việc ở ngoài địa bàn hoặc nghỉ, vắng mặt.	Dự thảo Nghị định quy định số lượng trợ giúp viên pháp lý tối thiểu cần có làm việc tại Chi nhánh. Giám đốc Trung tâm căn cứ vào điều kiện thực tế số lượng người làm việc được giao, địa bàn do Chi nhánh phụ trách để Trung tâm bố trí số trợ giúp viên pháp lý phù hợp (có thể nhiều hơn 01 người).

	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng; Trung tâm TGPLNN các tỉnh: Cao Bằng, Quảng Trị	Đề nghị bổ sung Đề án thành lập Chi nhánh, trong đó làm rõ sự cần thiết, phương án tổ chức bộ máy, nhân sự, kinh phí và cơ sở vật chất.	Điểm a khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định đã quy định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập chi nhánh có <i>“Tờ trình về việc thành lập Chi nhánh, trong đó nêu rõ sự cần thiết thành lập Chi nhánh”</i> ; các nội dung về phương án tổ chức bộ máy, nhân sự và cơ sở vật chất cần thể hiện trong Tờ trình.
	Hội Luật gia Việt Nam	Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 5 theo hướng linh hoạt hơn, không nên quy định cứng <i>“Chi nhánh có ít nhất 01 trợ giúp viên pháp lý làm việc thường xuyên tại Chi nhánh”</i> vì đối với một số địa bàn vùng sâu, vùng xa, nơi có số lượng trợ giúp viên pháp lý hạn chế, việc bảo đảm 01 trợ giúp viên pháp lý làm việc thường xuyên chưa mang tính linh hoạt. Đề xuất nên sửa theo hướng <i>“Chi nhánh có ít nhất 01 trợ giúp viên pháp lý hoặc được bố trí người thực hiện trợ giúp pháp lý thường xuyên theo phương án của Giám đốc Trung tâm để bảo đảm chất lượng và tăng tính linh hoạt trong cách thức làm việc”</i> .	Việc quy định <i>“Chi nhánh có ít nhất 01 trợ giúp viên pháp lý làm việc thường xuyên tại Chi nhánh”</i> nhằm bảo đảm Chi nhánh có nhân lực chuyên môn trực tiếp, ổn định để thực hiện TGPL, duy trì hoạt động thường xuyên và bảo đảm chất lượng, tính kịp thời trong cung cấp dịch vụ TGPL cho người dân tại địa bàn. Trường hợp địa bàn có số lượng trợ giúp viên pháp lý hạn chế, cơ quan quản lý có thể chủ động bố trí, điều phối nhân lực giữa Trung tâm và các Chi

			nhánh phù hợp với điều kiện thực tế. Việc quy định tối thiểu 01 trợ giúp viên pháp lý làm việc thường xuyên tại Chi nhánh là điều kiện về nhân lực tối thiểu để bảo đảm hoạt động, không nhằm hạn chế tính chủ động, linh hoạt trong việc tổ chức, phân công và điều phối nhân lực của Trung tâm.
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng; Trung tâm TGPLNN các tỉnh: Cao Bằng, Quảng Trị	Tại khoản 2 Điều 6, đề nghị sửa thời hạn tính từ ngày “ <i>nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i> ” thay cho “ <i>nhận được hồ sơ</i> ” để đảm bảo tính chuẩn xác về kỹ thuật văn bản; đề nghị thay đổi hình thức công bố từ “ <i>phương tiện thông tin đại chúng</i> ” sang “ <i>Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Tư pháp</i> ” để giảm chi phí và phù hợp với chuyển đổi số; đề nghị kéo dài thời hạn công bố việc thành lập Chi nhánh từ 05 ngày lên 10 ngày làm việc để bảo đảm có đủ thời gian thực hiện việc bổ nhiệm Trưởng Chi nhánh và công bố đầy đủ thông tin về Chi nhánh, do thời hạn bổ nhiệm Trưởng Chi nhánh là 05 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập Chi nhánh; bổ sung chủ thể thực hiện việc công bố thành lập Chi nhánh.	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo sửa khoản 2 Điều 6 như sau: “Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày <i>nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i> , Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập Chi nhánh”; bổ sung chủ thể thực hiện việc công bố thành lập Chi nhánh; thay đổi hình thức công bố từ “ <i>phương tiện thông tin đại chúng</i> ” sang “ <i>Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Tư pháp</i> ”; thay đổi thời hạn công bố kể từ ngày có Quyết định bổ nhiệm Trưởng Chi nhánh; bổ sung chủ thể thực hiện việc công bố thành lập Chi nhánh.	
Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng	Điều 7 của dự thảo chưa quy định các trường hợp cụ thể để xem xét giải thể Chi nhánh; đề nghị bổ sung các căn cứ giải thể Chi nhánh như: không còn nhu cầu hoạt động, thực hiện chủ trương sắp xếp bộ máy, hoặc không bảo đảm điều kiện hoạt động; đề xuất hồ sơ giải thể bao gồm: báo cáo đánh giá tình hình hoạt động, phương án bố trí viên chức, xử lý tài	Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý quy định “ <i>Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu trợ giúp pháp lý tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Chi nhánh của Trung tâm trợ</i>	

		sản/tài chính và phương án bàn giao hồ sơ, vụ việc đang thực hiện	<i>giúp pháp lý nhà nước</i>”, Luật không quy định các trường hợp giải thể Chi nhánh. Bên cạnh đó, không cần thiết phải quy định cụ thể các trường hợp, trình tự, hồ sơ giải thể Trung tâm định trong Nghị định này. Việc giải thể phòng, ban, Chi nhánh hoặc các tổ chức cấu thành của đơn vị sự nghiệp công lập đã được pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập quy định. Do đó, thực hiện giải thể Chi nhánh sẽ áp dụng theo các quy định chung có liên quan, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và tránh trùng lặp quy định.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng; Trung tâm TGPLNN các tỉnh: Lai Châu, Hưng Yên	Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về việc xử lý hồ sơ, tài liệu, tài sản và các vụ việc đang giải quyết khi giải thể để tránh “<i>khoảng trống pháp lý</i>” và đảm bảo quyền lợi của người được TGPL không bị gián đoạn; bổ sung Đề án sáp nhập với đầy đủ các phương án về tổ chức, nhân sự, tài sản và tiếp nhận vụ việc; đề nghị bổ sung quy định về việc xử lý chức danh Trưởng Chi nhánh đối với những người không tiếp tục làm Trưởng Chi nhánh sau khi sáp nhập; đề nghị quy định rõ trách nhiệm chuyển giao hồ sơ và hiệu lực của các quyết định cử người thực hiện TGPL cũ sang Chi nhánh mới sau sáp nhập; bổ sung yêu cầu phải lập biên bản bàn giao và thông báo cho người được trợ giúp pháp lý biết; bổ sung quy định công khai địa điểm làm việc, đầu mối liên hệ và thời điểm Chi nhánh mới chính thức tiếp nhận giải quyết vụ việc sau sáp nhập.	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung trong dự thảo quy định về xử lý các vụ việc đang giải quyết khi giải thể, sáp nhập Chi nhánh.

	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Trung tâm TGPLNN tỉnh Lai Châu	Khoản 1 Điều 5: đề nghị sửa quy định về con dấu theo hướng chỉ dùng cho “ <i>hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ</i> ” thay vì “ <i>giao dịch</i> ”, vì Chi nhánh không có mã số thuế và tài khoản riêng nên không thể thực hiện các giao dịch độc lập.	Chi nhánh được sử dụng con dấu để thực hiện các giao dịch là cần thiết, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của Chi nhánh. Việc Chi nhánh không có mã số thuế và tài khoản riêng không đồng nghĩa với việc Chi nhánh không phát sinh các giao dịch trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các giao dịch của Chi nhánh được thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo sự quản lý, điều hành của Trung tâm, không làm phát sinh tư cách pháp lý, tài chính độc lập của Chi nhánh.
	Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố: Quảng Trị Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Hải Phòng, Thái Nguyên, Tuyên Quang Trung tâm TGPLNN các tỉnh/thành phố: Hải Phòng, số 1 Đà Nẵng Quảng Trị	Tại Điều 5 đề nghị bổ sung quy định về chức danh Phó trưởng Chi nhánh trợ giúp pháp lý, cụ thể “ <i>Chi nhánh có Trưởng Chi nhánh, Phó trưởng Chi nhánh, Trưởng Chi nhánh là trợ giúp viên pháp lý...</i> ” để hỗ trợ Trưởng Chi nhánh trong công tác quản lý, điều hành, nhất là tại các Chi nhánh phụ trách địa bàn rộng, có số lượng người làm việc và khối lượng vụ việc lớn. Ngoài ra, việc bổ sung này nhằm đảm bảo phù hợp với quy định về Danh mục vị trí việc làm viên chức quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập (ban hành kèm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ). Tại số thứ tự 4 Phụ lục I của Nghị định đã quy định vị trí việc làm Phó trưởng Chi nhánh. Bên cạnh đó, về cơ sở thực tiễn,	Tiếp thu ý kiến này dự thảo đã bổ sung quy định về Phó Trưởng Chi nhánh.
	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Khoản 1 Điều 5 dự thảo quy định “ <i>Tên Chi nhánh phải thể hiện rõ tên Trung tâm chủ quản của Chi nhánh</i> ”. Tuy nhiên, cụm từ “ <i>phải thể hiện rõ tên Trung tâm chủ quản</i> ”	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý khoản 1 Điều 5 như sau: “ <i>Tên Chi nhánh được đặt theo địa bàn, khu</i>

		chưa làm rõ tên Trung tâm chủ quản là một bộ phận cấu thành tên chính thức của Chi nhánh hay chỉ là thông tin phải được thể hiện cùng với tên Chi nhánh trên biển tên, con dấu và văn bản. Nếu hiểu toàn bộ tên Trung tâm chủ quản phải được ghép vào tên chính thức của Chi nhánh thì tên gọi sẽ rất dài; đồng thời phát sinh lúng túng khi ghi tên tổ chức trong quyết định thành lập, đăng ký mẫu con dấu và trình bày tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu sửa cụm từ: “<i>Tên Chi nhánh phải thể hiện rõ tên Trung tâm chủ quản của Chi nhánh</i>” thành “<i>Tên Chi nhánh được đặt theo địa bàn, khu vực hoặc tên gọi khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và phải bảo đảm phân biệt với các Chi nhánh khác của Trung tâm. Tên Trung tâm chủ quản và tên Chi nhánh được thể hiện trên biển tên, con dấu và văn bản theo quy định của pháp luật có liên quan.</i>” nhằm bảo đảm quyền chủ động của địa phương trong việc đặt tên Chi nhánh, vừa xác định rõ mối quan hệ quản lý giữa Chi nhánh và Trung tâm; đồng thời tránh phát sinh vướng mắc về tên tổ chức trong quyết định thành lập, con dấu và thể thức văn bản.	<i>vực hoặc tên gọi khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và phải bảo đảm phân biệt với các Chi nhánh khác của Trung tâm. Tên Trung tâm chủ quản và tên Chi nhánh được thể hiện trên biển tên, con dấu và văn bản theo quy định của pháp luật có liên quan.</i>”
	Bộ Khoa học và Công nghệ; Vụ Tổ chức cán bộ; Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên	- Điều 6, Điều 7 và Điều 8 (thành lập, giải thể, sáp nhập Chi nhánh): Điều 6 khoản 1 điểm c yêu cầu hồ sơ thành lập Chi nhánh phải có “<i>ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ</i>”, trong khi hồ sơ giải thể (Điều 7) và sáp nhập (Điều 8) chỉ gồm tờ trình và dự thảo quyết định, không yêu cầu ý kiến Sở Nội vụ, mặc dù sáp nhập cũng làm thay đổi tổ chức bộ máy. Do đó, đề nghị làm rõ để bảo đảm tính thống nhất về việc có hay không yêu cầu ý kiến Sở Nội vụ giữa các thủ tục thành lập, giải thể, sáp nhập Chi nhánh.	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung vào các Điều 6, Điều 7 và Điều 8 “<i>ý kiến bằng văn bản của Sở Nội Vụ</i>”; bổ sung Điều 8 về bổ nhiệm Trưởng Chi nhánh sau sáp nhập “<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định sáp nhập Chi nhánh, Giám đốc Trung tâm bổ nhiệm Trưởng Chi nhánh</i>”; thay cụm từ “<i>đương nhiên miễn nhiệm</i>” bằng cụm từ “<i>đương nhiên thôi giữ chức vụ</i>” tại

		- Tại Điều 8 Dự thảo quy định về thủ tục sáp nhập Chi nhánh, có 03 khoản, tuy nhiên, nội dung quy định này thiếu thẩm quyền bổ nhiệm Trưởng Chi nhánh khi sáp nhập. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm 01 khoản vào Điều 8 dự thảo như sau: <i>“Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định sáp nhập Chi nhánh, Giám đốc Trung tâm bổ nhiệm Trưởng Chi nhánh”</i>. - Đề nghị chỉnh lý quy định tại khoản 3 Điều 7 từ Trưởng Chi nhánh đương nhiên miễn nhiệm kể từ ngày có quyết định giải thể Chi nhánh thành Trưởng Chi nhánh đương nhiên không giữ chức vụ Trưởng Chi nhánh kể từ ngày có quyết định giải thể Chi nhánh để phù hợp với quy định của pháp luật về viên chức.	khoản 3 Điều 7.
Về tiêu chuẩn bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm	Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Tại khoản 1 Điều 3 quy định Giám đốc Trung tâm phải có ít nhất 03 năm giữ một số chức danh hoặc 05 năm làm công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý, đề nghị quy định rõ cách tính thời gian được cộng dồn hay liên tục để áp dụng thống nhất.	Việc xác định thời gian công tác để tính thời gian theo quy định của dự thảo đã được pháp luật về viên chức, pháp luật về cán bộ, công chức quy định cụ thể, bao gồm nguyên tắc xác định thời gian công tác liên tục, thời gian công tác được tính cộng dồn và các trường hợp được tính, không tính thời gian công tác. Do đó, không cần quy định lại trong dự thảo để tránh trùng lặp, bảo đảm tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.
	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh, Trung tâm TGPLNN tỉnh Quảng Ninh	Đề nghị bổ sung như sau: <i>“...có ít nhất 05 năm trực tiếp làm công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý trong ngành Tư pháp”</i>. Lý do: quy định của Dự thảo hiện nay chưa làm rõ phạm vi <i>“làm công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý”</i>, có thể được hiểu bao gồm cả các trường hợp công	Dự thảo đã quy định tiêu chuẩn về trình độ, năng lực, kinh nghiệm công tác và yêu cầu người được bổ nhiệm phải đáp ứng điều kiện là trợ giúp viên pháp lý, qua đó bảo đảm người đứng đầu Trung tâm có kiến

		chức được bố trí công tác tại đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về TGPL nhưng không trực tiếp tham mưu, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra hoặc tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Trong khi đó, chức danh Giám đốc Trung tâm TGPL nhà nước là người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành toàn diện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ TGPL. Do đó, ngoài kinh nghiệm quản lý, cần có quá trình trực tiếp tham mưu, triển khai công tác quản lý nhà nước về TGPL để bảo đảm am hiểu hệ thống pháp luật, cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện và yêu cầu chuyên môn của lĩnh vực TGPL.	thức, kinh nghiệm thực tiễn và năng lực quản lý, điều hành hoạt động TGPL. Việc quy định cứng thời gian 05 năm trực tiếp làm công tác quản lý nhà nước về TGPL có thể thu hẹp nguồn nhân sự đủ điều kiện bổ nhiệm, trong khi kinh nghiệm quản lý, chuyên môn và thực tiễn về TGPL có thể được tích lũy qua nhiều vị trí, nhiệm vụ khác nhau. Do đó, giữ quy định như dự thảo là phù hợp, bảo đảm tính linh hoạt trong công tác cán bộ và yêu cầu thực tiễn.
Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng		Khoản 1 Điều 2 đã quy định “ <i>Giám đốc Trung tâm phải là trợ giúp viên pháp lý</i> ” thì tiêu chuẩn bổ nhiệm không nên liệt kê các chức danh tư pháp khác như Thẩm phán, Kiểm sát viên hay Điều tra viên; đề nghị sửa đổi tiêu chuẩn theo hướng ưu tiên người đã là trợ giúp viên pháp ít nhất 03 năm vì nếu chỉ có 03 năm kinh nghiệm ở các vị trí khác như Thẩm phán hay Điều tra viên thì chưa đủ năng lực chuyên môn thực tế để lãnh đạo Trung tâm TGPL.	- Điều kiện phải là trợ giúp viên pháp lý đã được quy định là yêu cầu nền tảng đối với chức danh Giám đốc Trung tâm. Việc quy định thêm kinh nghiệm công tác ở các chức danh tư pháp (Thẩm phán trung cấp, Điều tra viên trung cấp hoặc kiểm sát viên trung cấp) khác nhằm bảo đảm tính linh hoạt trong công tác cán bộ, thu hút người có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật, đồng thời không làm thay đổi yêu cầu về tiêu chuẩn chuyên môn của chức danh Giám đốc Trung tâm. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo. - Điều kiện có 03 năm kinh nghiệm làm trợ giúp viên pháp lý được kế thừa từ Nghị định số 144/2017/NĐ-CP. Quy định này nhằm bảo đảm người được bổ nhiệm có

			thời gian trực tiếp thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý, có kinh nghiệm thực tiễn và đáp ứng yêu cầu chuyên môn để lãnh đạo, quản lý Trung tâm.
	Bộ Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Khoản 2 Điều 2 quy định Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm do Giám đốc Sở Tư pháp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Tuy nhiên, dự thảo mới quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm Giám đốc (Điều 3) và các trường hợp cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc (Điều 4); chưa quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm Phó Giám đốc và trình tự miễn nhiệm các chủ thể trên. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các quy định này để tránh khoảng trống pháp lý.	Do tính chất đặc thù của hoạt động TGPL là hoạt động cung cấp dịch vụ pháp lý cho người dân, do đó, đòi hỏi người đứng đầu Trung tâm TGPL cần là người có kinh nghiệm làm trợ giúp viên pháp lý hoặc người từng đảm nhận các chức danh có tính chất nghề nghiệp tương đồng. Yêu cầu này không đặt ra đối với chức danh Phó Giám đốc. Quy định về Phó Giám đốc Trung tâm sẽ được áp dụng theo quy định về pháp luật viên chức.
	Vụ Tổ chức cán bộ	Tại Điều 4, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc sử dụng cụm từ “ <i>cho thôi giữ chức vụ</i> ” đối với Giám đốc, phó Giám đốc Trung tâm thay cho cụm từ “ <i>cách chức</i> ” để phù hợp với quy định của pháp luật về viên chức. Cách chức là một hình thức kỷ luật viên chức nên sử dụng “ <i>cho thôi giữ chức vụ</i> ” thì phù hợp hơn.	“<i>Cho thôi giữ chức vụ</i>” là khái niệm có phạm vi rộng, có thể được thực hiện trong nhiều trường hợp khác nhau theo yêu cầu về công tác cán bộ, tổ chức bộ máy, nguyện vọng cá nhân hoặc các lý do khác, không đồng nhất với một hình thức xử lý kỷ luật. Trong khi đó, “<i>cách chức</i>” là thuật ngữ đã được pháp luật về viên chức sử dụng để chỉ hình thức kỷ luật đối với viên chức giữ chức vụ quản lý. Do đó, việc sử dụng cụm từ “<i>cách chức</i>” tại Điều 4 nhằm bảo đảm xác định rõ trường hợp người giữ chức vụ Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm bị xử lý do vi

			phạm, đồng thời phân biệt với các trường hợp cho thôi giữ chức vụ vì những lý do khác.
Về thủ tục bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Vĩnh Long Trung tâm TGPLNN các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Vĩnh Long	Tại khoản 2 Điều 10, đề nghị bổ sung “ <i>Ảnh màu chân dung cỡ 2cm x 3cm để dán vào Thẻ trợ giúp viên pháp lý</i> ” vào thành phần hồ sơ đề nghị cấp thẻ hoặc trong trường hợp Trợ giúp viên pháp lý chuyển công tác đến địa phương khác.	Không bổ sung cụm từ “ <i>để dán vào Thẻ trợ giúp viên pháp lý</i> ” vì việc yêu cầu nộp ảnh trong hồ sơ đề nghị cấp Thẻ trợ giúp viên pháp lý đương nhiên nhằm phục vụ việc dán ảnh vào Thẻ. Nội dung này đã rõ về mục đích sử dụng, không cần thiết phải quy định tại dự thảo.
	Sở Tư pháp tỉnh/thành phố Phú Thọ, Hà Tĩnh; Trung tâm TGPLNN tỉnh Phú Thọ, Hà Tĩnh	- Đề nghị bổ sung quy định đối với trường hợp Trợ giúp viên pháp lý đã được bổ nhiệm, cấp thẻ theo Luật TGPL năm 2006 nhưng không có Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự TGPL và không thuộc trường hợp được miễn tập sự. Trên thực tế, có trường hợp đã được điều động đến công tác tại các phòng, đơn vị thuộc Sở Tư pháp, được miễn nhiệm và thu hồi thẻ, sau đó được điều động trở lại Trung tâm TGPL nhà nước và đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ Trợ giúp viên pháp lý. - Tại điểm đ khoản 2 Điều 10 Dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về thành phần hồ sơ đối với trường hợp người đề nghị bổ nhiệm đã từng là Trợ giúp viên pháp lý theo Điều 19 Luật TGPL năm 2017. Theo đó, dự thảo quy định giấy tờ chứng minh quá trình đã được bổ nhiệm, công nhận chức danh Trợ giúp viên pháp lý (như	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung giấy tờ đối với trường hợp Trợ giúp viên pháp lý đã được bổ nhiệm, cấp thẻ theo Luật TGPL năm 2006 nhưng không có Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự TGPL và không thuộc trường hợp được miễn tập sự.

		bản sao quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ TGPL ...) nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của Luật và thống nhất quá trình thực hiện.	
Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long, Trung tâm TGPLNN số 2 tỉnh Vĩnh Long		Đề nghị rút ngắn thời gian Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý từ 15 ngày xuống còn 10 ngày làm việc, đồng thời phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do nếu từ chối hoặc quá hạn.	Dự thảo đã quy định tại khoản 3 Điều 10 “Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”. Tuy nhiên, quy định 10 ngày làm việc như trong dự thảo so với 15 ngày quy định như trước kia, thì số ngày giảm đi không đáng kể. Vì vậy, dự thảo Nghị định chỉnh lý theo hướng giảm xuống còn 07 ngày làm việc.
Cục Kiểm soát thủ tục hành chính		Đề nghị quy định cụ thể các bước thực hiện cho cả 02 trường hợp tại khoản 1 và khoản 4, hồ sơ trình tương ứng đối với từng cấp/chủ thể thực hiện theo các trường hợp tại Điều 10 dự thảo Nghị định.	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo đã quy định cụ thể các bước thực hiện cho cả 02 trường hợp tại khoản 1 và khoản 4, hồ sơ trình tương ứng đối với từng cấp/chủ thể thực hiện theo các trường hợp tại Điều 10 dự thảo Nghị định.
Cục Kiểm soát thủ tục hành chính		Tại khoản 2 Điều 10 đề nghị quy định cụ thể mẫu lý lịch trích ngang của người được đề nghị bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý, đảm bảo thực hiện thống nhất.	Hiện đã có các mẫu lý lịch của cán bộ công chức, viên chức, do đó, dự thảo Nghị định không quy định mẫu riêng.

Về thủ tục cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý	Bộ Khoa học và Công nghệ; Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Cà Mau, Đồng Tháp, Lạng Sơn; Trung tâm TGPLNN các tỉnh/thành phố: Cà Mau, Đồng Tháp, Lạng Sơn	Điểm c khoản 2 Điều 11 yêu cầu thành phần hồ sơ cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý gồm “ <i>Thẻ trợ giúp viên pháp lý bị hư hỏng</i> ”. Tuy nhiên, khoản 1 quy định thẻ được cấp lại khi “ <i>bị mất, bị hư hỏng</i> ”. Như vậy, trường hợp thẻ bị mất thì không bảo đảm thành phần hồ sơ. Do đó, đề nghị sửa điểm c theo hướng chỉ áp dụng đối với trường hợp thẻ bị hư hỏng để bảo đảm quy định về thành phần hồ sơ khả thi theo từng trường hợp hoặc điều chỉnh theo hướng kế thừa quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 23 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 (<i>Thẻ trợ giúp viên pháp lý bị hư hỏng hoặc xác nhận của Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trong trường hợp thẻ bị mất</i>).	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý điểm c khoản 3 Điều 23 như sau: “ <i>Thẻ trợ giúp viên pháp lý bị hư hỏng đối với trường hợp thẻ trợ giúp viên pháp lý bị hư hỏng.</i> ”
	Cục Pháp luật quốc tế và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Đề nghị rà soát chỉnh sửa khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định thành “ <i>Trong trường hợp thẻ trợ giúp viên pháp lý bị mất, bị hư hỏng, trợ giúp viên pháp lý gửi hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ đến Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước</i> ” để đảm bảo thống nhất với khoản 2 Điều 11.	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh sửa khoản 1 Điều 11 như sau: “ <i>Trong trường hợp thẻ trợ giúp viên pháp lý bị mất, bị hư hỏng, trợ giúp viên pháp lý gửi hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ đến Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước</i> ”
Về thủ tục miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý	Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hải Phòng; Trung tâm TGPLNN các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng; số 2 tỉnh Vĩnh Long	Đề xuất quy định rõ thời hạn cấp lại là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; bổ sung quy định về số thẻ khi cấp lại thẻ; chưa có chế tài xử lý đối với trường hợp bị thu hồi thẻ, đề xuất quá thời hạn mà người bị thu hồi không nộp lại thẻ, Sở Tư pháp ban hành Thông báo hủy giá trị sử dụng của thẻ, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử và cập nhật trạng thái “ <i>thẻ bị hủy</i> ” trên Cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý quốc gia.	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý trong dự thảo như sau: “ <i>Quá thời hạn mà người bị thu hồi không nộp lại thẻ, Sở Tư pháp đăng tải Thông báo hủy thẻ trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i> ”.

	Sở Tư pháp thành phố Huế; Trung tâm TGPLNN thành phố Huế	Đề nghị quy định cụ thể hoặc dẫn chiếu các hành vi thế nào là “ <i>vi phạm nghiêm trọng quy tắc nghề nghiệp</i> ” để làm căn cứ miễn nhiệm và thu hồi thẻ một cách minh bạch.	Quy định về việc miễn nhiệm, thu hồi thẻ do “ <i>vi phạm nghiêm trọng quy tắc nghề nghiệp</i> ” được đặt trong mối liên hệ với các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm và quy tắc nghề nghiệp của trợ giúp viên pháp lý. Việc quy định hoặc liệt kê cụ thể, đầy đủ các hành vi vi phạm ngay trong Nghị định là không cần thiết, khó bao quát hết các tình huống thực tế và có thể dẫn đến bỏ sót các hành vi vi phạm mới phát sinh. Việc xác định mức độ “ <i>nghiêm trọng</i> ” cần được xem xét trên cơ sở tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi và các quy định có liên quan, bảo đảm việc miễn nhiệm, thu hồi thẻ được thực hiện đúng quy định và phù hợp với từng trường hợp cụ thể.
	Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn; Trung tâm TGPLNN tỉnh Lạng Sơn	Đề nghị rà soát tính thống nhất giữa khoản 1 và khoản 3 Điều 12 dự thảo về việc trường hợp nào thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định “ <i>miễn nhiệm và thu hồi</i> ” và trường hợp nào chỉ ra quyết định “ <i>thu hồi thẻ</i> ”.	Tiếp thu ý kiến này, dự thảo đã tách thành 02 trường hợp: “ <i>miễn nhiệm và thu hồi thẻ</i> ” và “ <i>thu hồi thẻ</i> ” cho dễ hiểu và logic hơn.
Về hồ sơ và thủ tục cấp thẻ cộng tác viên TGPL	Vụ Tổ chức, cán bộ, Cục Pháp luật quốc tế và Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	- Điểm d khoản 1 Điều 13, đề nghị cân nhắc chỉnh lý quy định thành “ <i>Viên chức nộp văn bản của cơ quan nơi viên chức đang công tác trong đó xác nhận thời gian làm công tác pháp luật, xác nhận tình trạng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không trong thời hạn bị xử lý kỷ luật và đồng ý để viên chức tham gia làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý</i> ”.	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý điểm d khoản 1 Điều 13 theo hướng phân loại từng hạng viên chức và giấy tờ trong hồ sơ tương ứng với từng trường hợp.

Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn; Trung tâm TGPLNN tỉnh Lạng Sơn	Dự thảo mới chỉ quy định về trình tự mà chưa nêu rõ các trường hợp cụ thể bị thu hồi thẻ; đề nghị kế thừa các quy định tại Điều 18 Nghị định 144/2017/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất.	Các trường hợp thu hồi thẻ Trợ giúp viên pháp lý đã được quy định cụ thể tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL, bảo đảm cơ sở pháp lý thống nhất và có giá trị pháp lý cao hơn. Do đó, dự thảo Nghị định không quy định lại các trường hợp thu hồi thẻ mà chỉ quy định về trình tự, thủ tục thu hồi thẻ để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện quy định của Luật, tránh trùng lặp, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.	
Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Luật gia Việt nam; Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; Vụ Tổ chức cán bộ; Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Đắk Lắk, Lạng Sơn, Thái Nguyên; Trung tâm TGPLNN các tỉnh/thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Lạng Sơn,	Khoản 1 Điều 13 yêu cầu người đề nghị làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp số 2. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp) quy định từ ngày 01/7/2026, không được yêu cầu cá nhân cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp số “<i>Thông tin lý lịch tư pháp, Phiếu lý lịch tư pháp được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được yêu cầu cá nhân cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 quy định tại Điều 43 của Luật này</i>”. Ngoài ra, Điều 17 của Dự thảo đã quy định cơ quan giải quyết có trách nhiệm khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử. Do	Tiếp thu ý kiến này, dự thảo đã lược bỏ Phiếu lý lịch tư pháp số 2 ra khỏi thành phần hồ sơ đề nghị làm cộng tác viên TGPL.	

	Đắc Lắc, số 2 Vĩnh Long	đó, để đảm bảo thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, tránh tạo những thủ tục hành chính không cần thiết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bỏ quy định bắt buộc nộp “Phiếu lý lịch tư pháp số 2”. Thay vào đó, Sở Tư pháp hoặc Trung tâm có trách nhiệm tra cứu thông tin lý lịch tư pháp trên Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	
	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên	Đề xuất bổ sung quy định về thời hạn (05 ngày làm việc) để cơ quan nơi viên chức đang công tác phải có văn bản xác nhận thời gian làm công tác pháp luật nhằm tránh kéo dài quá trình hoàn thiện hồ sơ của người có nguyện vọng làm cộng tác viên TGPL.	Việc xác nhận thời gian làm công tác pháp luật của viên chức thuộc quy trình quản lý nội bộ của cơ quan, đơn vị nơi viên chức đang công tác. Do đó, không cần thiết quy định cụ thể thời hạn 05 ngày làm việc trong Nghị định; cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện theo quy định về quản lý viên chức và quy chế làm việc nội bộ, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người có nguyện vọng làm cộng tác viên TGPL.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; Trung tâm TGPLNN số 2 tỉnh Vĩnh Long	Đề nghị bổ sung chế tài xử lý trường hợp cộng tác viên TGPL không nộp lại thẻ sau khi bị thu hồi (như chây ỳ hoặc làm mất thẻ) theo hướng Sở Tư pháp phải ban hành Thông báo hủy giá trị sử dụng của thẻ, đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử và cập nhật trạng thái trên Cơ sở dữ liệu TGPL quốc gia.	Tiếp thu ý kiến này và bổ sung trách nhiệm của Sở Tư pháp trong việc ban hành Thông báo hủy giá trị sử dụng của thẻ, đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.
Về khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử	Cục Kiểm soát thủ tục hành chính; Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Thái Nguyên,	- Đề nghị bổ sung thêm nội dung tại Điều 17: “ <i>Không yêu cầu cá nhân, tổ chức liên quan nộp bản giấy các thông tin đã khai thác được từ cơ sở dữ liệu.</i> ”. Lý do: việc không yêu cầu cá nhân, tổ chức liên quan nộp bản giấy những thông	Tiếp thu ý kiến này và bổ sung vào Điều 17 quy định: “ <i>Không yêu cầu cá nhân, tổ chức liên quan nộp bản giấy các thông tin có thể khai thác được từ cơ sở dữ liệu.</i> ”; đồng

trong giải quyết hồ sơ	Phú Thọ	tránh phiền hà cho cá nhân, tổ chức trong việc giải quyết hồ sơ, đồng thời giảm tải thời gian, giấy tờ bản giấy trong giải quyết công việc. - Chuyển Điều 17 (về khai thác sử dụng dữ liệu điện tử) về sau Điều 24 do các điều khoản này đều có nội dung liên quan chặt chẽ đến việc khai thác và quản lý dữ liệu, giúp cấu trúc của Nghị định khoa học hơn. - Để đảm bảo nguyên tắc về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, tính chủ động trong việc khai thác dữ liệu, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Điều 17 dự thảo Nghị định theo hướng: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện khai thác thông tin, giấy tờ là thành phần hồ sơ thủ tục hành chính tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Trường hợp không thể khai thác được hoặc khai thác không đầy đủ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu đối tượng thực hiện thủ tục hành chính cung cấp thông tin, giấy tờ bổ sung.	thời chỉnh sửa theo hướng cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện khai thác thông tin, giấy tờ là thành phần hồ sơ thủ tục hành chính tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trường hợp không thể khai thác được hoặc khai thác không đầy đủ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu người đề nghị thực hiện thủ tục hành chính cung cấp thông tin, giấy tờ bổ sung; chuyển điều 17 vào gần nhóm các điều khoản có nội dung cơ sở dữ liệu.
Về chế độ, chính sách, ưu đãi đối với trợ giúp viên pháp lý	Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Hồ Chí Minh, Phú Thọ, Gia Lai; Đồng Tháp; Trung tâm TGPLNN các tỉnh/thành phố: số 1 Đà Nẵng, số 2 Đà Nẵng, Đồng Tháp, Lai Châu, Đồng Nai, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị bổ sung quy định chế độ chính sách, ưu đãi đối với viên chức trung tâm (các viên chức là hỗ trợ nghiệp vụ, viên chức chuyên môn dùng chung), có thể nghiên cứu quy định mức phụ cấp bằng 15-20% mức lương hiện hưởng và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); đề nghị viên chức của Trung tâm cũng được cấp trang phục riêng theo tiêu chuẩn và niên hạn cụ thể tương tự Trợ giúp viên pháp lý để đảm bảo quyền lợi và sự thống nhất trong đơn vị. Đội ngũ viên chức của Trung tâm cũng là người trực tiếp thực hiện nhiều nhiệm vụ phục vụ hoạt động TGPL như tiếp nhận yêu cầu TGPL; quản lý, lưu trữ, số hóa hồ sơ vụ việc; thực hiện công tác thống kê, báo cáo; vận hành cơ sở dữ liệu và hệ	Chế độ tiền lương, phụ cấp và các chính sách đối với viên chức được thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức, tiền lương và các quy định có liên quan; việc bổ sung chế độ phụ cấp, ưu đãi riêng phải có cơ sở pháp lý và phù hợp với chủ trương cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và nằm trong tổng thể chung đối với các hạng viên chức khác trong hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập. Hiện chưa có cơ sở để quy định khoản phụ cấp riêng đối với viên chức hỗ trợ nghiệp vụ,

		thống công nghệ thông tin; tham gia truyền thông về TGPL và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ khác. Đây là những công việc có tính chất đặc thù, trực tiếp góp phần bảo đảm chất lượng và hiệu quả hoạt động TGPL.	viên chức chuyên môn của Trung tâm. Đối với trang phục, Trợ giúp viên pháp lý là chức danh nghề nghiệp đặc thù, trực tiếp thực hiện hoạt động TGPL và được pháp luật quy định chế độ trang phục riêng. Viên chức Trung tâm thực hiện các nhiệm vụ hành chính, hỗ trợ và chuyên môn dùng chung nên chế độ trang phục thực hiện theo quy định chung. Do đó, chưa có cơ sở quy định chế độ trang phục riêng đối với viên chức Trung tâm trong Nghị định này.
Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Hải Phòng, Lạng Sơn; Trung tâm TGPLNN các tỉnh/thành phố: Lai Châu		Đề nghị bổ sung phụ cấp thâm niên nghề cho trợ giúp viên pháp lý để tương xứng với các chức danh tư pháp khác như Thẩm phán hay Kiểm sát viên.	Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp đã bãi bỏ phụ cấp thâm niên nghề (trừ một số đối tượng được bảo lưu theo quy định). Do đó, việc bổ sung phụ cấp thâm niên nghề riêng cho Trợ giúp viên pháp lý tại dự thảo Nghị định là chưa phù hợp với định hướng cải cách chính sách tiền lương. Các chế độ tiền lương, phụ cấp đối với trợ giúp viên pháp lý sẽ được thực hiện theo quy định chung của pháp luật về tiền lương và các chế độ có liên quan.
Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Hải Phòng, Gia Lai		Đề nghị bổ sung chính sách hỗ trợ đặc thù cho Trợ giúp viên pháp lý khi thực hiện nhiệm vụ tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để động viên đội ngũ làm việc tại địa bàn đặc thù.	Chính phủ đã quy định cụ thể các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày

			08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, Trợ giúp viên pháp lý thuộc đối tượng áp dụng thì được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, việc quy định thêm chính sách hỗ trợ đặc thù trong dự thảo là chưa cần thiết và có thể dẫn đến trùng lặp chính sách.
Cục Kế hoạch tài chính	Đề nghị quy định linh hoạt hơn về hình thức cấp phát trang phục (có thể khoán chi bằng tiền) đối với các vật dụng có niên hạn ngắn hoặc tùy thuộc vào điều kiện thời tiết của từng vùng miền.		Khoản 5 Điều 3 Thông tư liên tịch số 58/2014/TT-BTC-BTP ngày 08/5/2014 giữa Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục của Trợ giúp viên pháp lý đã quy định: <i>“Căn cứ vào điều kiện cụ thể, sau khi có ý kiến thống nhất của Giám đốc Sở Tư pháp và trên cơ sở giá đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước xem xét hình thức cấp phát trang phục cho Trợ giúp viên pháp lý, có thể quyết định cấp tiền cho Trợ giúp viên pháp lý tự may sắm trang phục theo đúng quy định của Bộ Tư pháp về tiêu chuẩn, hình thức, màu sắc, kiểu dáng”</i> . Do đó, dự thảo Nghị định không bổ sung quy định này.

Về thời gian thực hiện TGPL làm căn cứ chi trả thù lao, bồi dưỡng thực hiện vụ việc TGPL	Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm TGPLNN thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị bổ sung vào Điều 19 về thời gian thực hiện TGPL gồm cả thời gian di chuyển hợp lý và thời gian thực hiện các thủ tục để thực hiện vụ việc TGPL (công nhận tương tự như thời gian chuẩn bị tài liệu, thời gian hợp lý khác,...). Bởi thực tế, sau sáp nhập địa bàn tỉnh, thành phố rộng hơn, việc di chuyển tới các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ sở giam giữ để thực hiện các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử ở nhiều địa bàn rất xa, mất nhiều thời gian. Nếu chỉ tính thời gian thực tế làm việc trên biên bản làm việc (biên bản hỏi cung, biên bản lấy lời khai,...) thì không phù hợp, chưa tương xứng với thời gian, công sức của người thực hiện TGPL.	Theo quy định tại Điều 19 của dự thảo, thời gian thực hiện vụ việc TGPL được xác định trên cơ sở thời gian thực tế thực hiện các hoạt động TGPL theo hồ sơ vụ việc và các tài liệu có liên quan, đồng thời đã tính đến thời gian chuẩn bị tài liệu và thời gian hợp lý khác theo quy định. Đối với thời gian thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện vụ việc TGPL, Điều 19 đã quy định việc tính thời gian chuẩn bị tài liệu và thời gian hợp lý khác theo tính chất, yêu cầu của vụ việc. Do đó, các hoạt động cần thiết, hợp lý phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện vụ việc đã được xem xét trong cơ chế xác định thời gian thực hiện vụ việc. Ngoài ra, Điều 20 đã quy định về chi phí thực hiện vụ việc TGPL và chế độ công tác phí, trong đó đã có cơ chế bảo đảm đối với các khoản chi phí phát sinh khi người thực hiện TGPL phải đi đến các địa bàn khác để thực hiện vụ việc. Vì vậy, việc bổ sung thời gian di chuyển vào thời gian thực hiện vụ việc tại Điều 19 là chưa cần thiết, có thể dẫn đến giao thoa giữa cơ chế tính thù lao, bồi dưỡng và cơ chế thanh toán chi phí, công tác phí.
Về thù lao, bồi dưỡng và chi phí	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh; Trung tâm TGPLNN thành	Khoản 1 và khoản 2 Điều 20, đề nghị tăng giới hạn số buổi làm việc cho một vụ việc như sau: (1) Đối với vụ việc tham gia tố tụng tăng từ 30 buổi lên 50 buổi do thời hạn tố tụng	Mức giới hạn tại khoản 1 và khoản 2 Điều 20 được xác định trên cơ sở tính chất, đặc điểm và yêu cầu thực tế của vụ việc và thực

thực hiện vụ việc TGPL của người thực hiện TGPL Về thời hạn thanh toán	phố Hải Phòng	thường kéo dài và bị gia hạn nhiều lần; (2) đối với vụ việc đại diện ngoài tổ tụng, đề nghị tăng từ 20 buổi lên 50 buổi vì các vụ việc này phức tạp, phải làm việc qua nhiều cơ quan giải quyết khác nhau.	tế thực hiện thời gian qua đồng thời bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực và ngân sách nhà nước.
	Hội luật gia Việt Nam	Khoản 3 Điều 20, đề nghị tăng mức bồi dưỡng đối với trợ giúp viên pháp lý khi tham gia vụ việc tố tụng bằng 60%. Việc quy định mức bồi dưỡng đối với trợ giúp viên pháp lý khi tham gia tố tụng bằng 50% mức so với luật sư là chưa tương xứng với tính chất, khối lượng và yêu cầu chuyên môn của hoạt động TGPL. Trong bối cảnh hiện nay, các chính sách này có thể chưa đủ sức thu hút và giữ chân đội ngũ trợ giúp viên pháp lý. Trên thực tế, trợ giúp viên pháp lý thường xuyên phải tham gia giải quyết các vụ việc phức tạp, làm việc tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và nhiều trường hợp phải thực hiện nhiệm vụ ngoài giờ hành chính.	Mức 50% được dự thảo quy định trên cơ sở cân đối giữa tính chất, yêu cầu chuyên môn của hoạt động TGPL, khối lượng công việc của trợ giúp viên pháp lý với điều kiện ngân sách nhà nước và khả năng bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách. Trợ giúp viên pháp lý là viên chức, được Nhà nước bảo đảm tiền lương và các chế độ, chính sách theo quy định, do đó, nếu nâng mức bồi dưỡng lên 60% sẽ làm tăng đáng kể kinh phí thực hiện chính sách TGPL, trong khi cần bảo đảm tính cân đối, khả thi của ngân sách nhà nước và tương quan với các chế độ, chính sách hiện hành đối với trợ giúp viên pháp lý. Do đó, mức 50% là phù hợp, bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu nâng cao chất lượng, động lực thực hiện TGPL và khả năng bảo đảm nguồn lực.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Hồ Chí Minh; Phú Thọ, Cao Bằng; Trung tâm TGPLNN tỉnh/thành phố:	Đề nghị tăng mức bồi dưỡng đối với Trợ giúp viên pháp lý khi thực hiện vụ việc đại diện ngoài tố tụng bằng 40% (hoặc 50%) mức chi trả đối với luật sư. Thực tế, khi thực hiện vụ việc đại diện ngoài tố tụng (như đại diện giải quyết tranh chấp đất đai, thừa kế, hôn nhân gia đình....ngoài Tòa án; làm giấy khai sinh, giấy tờ tùy thân,...) cũng đòi hỏi Trợ giúp viên pháp lý phải xác minh, thu thập tài liệu, làm việc	Trong quá trình xây dựng dự thảo, cơ quan soạn thảo đã rà soát, đánh giá tính chất, mức độ phức tạp, yêu cầu chuyên môn và trách nhiệm của Trợ giúp viên pháp lý đối với từng hình thức thực hiện TGPL. Trên cơ sở đó, dự thảo đã điều chỉnh tăng mức bồi dưỡng đối với vụ việc tham gia tố tụng,

Quảng Ninh, Cao Bằng, thành phố Hồ Chí Minh, Hưng Yên, số 2 thành phố Đà Nẵng.	với nhiều cơ quan, đi lại nhiều lần, không kém phần phức tạp so với một số vụ việc tham gia tố tụng. Vì vậy, Trung tâm đề xuất cơ quan soạn thảo xem xét tăng mức bồi dưỡng đối với Trợ giúp viên khi thực hiện vụ việc đại diện ngoài tố tụng.	nhằm bảo đảm tương xứng hơn với tính chất, yêu cầu chuyên môn và trách nhiệm của Trợ giúp viên pháp lý trong quá trình tham gia tố tụng, bảo đảm tính hợp lý, thống nhất và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước. Việc tăng đồng thời mức bồi dưỡng đối với nhiều hình thức thực hiện TGPL sẽ làm tăng đáng kể nhu cầu kinh phí từ ngân sách nhà nước.
Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố: Hồ Chí Minh, Quảng Trị, Điện Biên; Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng; Trung tâm TGPLNN các tỉnh/thành phố: Cao Bằng, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Trị.	Đề nghị dự thảo bổ sung quy định khi thực hiện vụ việc tư vấn, trợ giúp viên pháp lý được hưởng thù lao từ 0,08 - 0,15 mức lương cơ sở/01 văn bản tư vấn pháp luật (hoặc được hưởng bồi dưỡng bằng 50% mức thù lao của luật sư) khi thực hiện tư vấn tùy tính chất phức tạp và nội dung của vụ việc vì đối với nhiều vụ việc tư vấn phức tạp, trợ giúp viên pháp lý phải nghiên cứu hồ sơ, nghiên cứu văn bản (như tư vấn tranh chấp tài sản, tranh chấp đất đai, thừa kế, đền bù, giải phóng mặt bằng...).	Việc xây dựng chính sách chi trả thù lao cần bảo đảm cân đối giữa các hình thức thực hiện TGPL, trong đó ưu tiên tập trung nguồn lực cho hoạt động tham gia tố tụng, là hình thức TGPL có tính chất phức tạp, đòi hỏi trợ giúp viên pháp lý phải nghiên cứu hồ sơ, tham gia nhiều giai đoạn tố tụng, thực hiện các hoạt động nghiệp vụ và chịu trách nhiệm cao trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL. Đối với hoạt động tư vấn pháp luật, việc huy động luật sư, cộng tác viên thực hiện theo nhu cầu và phân công của Trung tâm góp phần sử dụng hiệu quả nguồn lực và bảo đảm đáp ứng nhu cầu tư vấn của người được TGPL.
Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng	Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 22, đề nghị bổ sung “ <i>Phiếu thẩm định thời gian, công việc tham gia vụ việc trợ giúp pháp lý</i> ” vào hồ sơ vì kết quả thẩm định là căn cứ quan	“ <i>Phiếu thẩm định thời gian, công việc tham gia vụ việc trợ giúp pháp lý</i> ” là tài liệu được lập trong quá trình Trung tâm, Sở Tư

		trọng để xác định mức thù lao, bồi dưỡng cần chi trả (được quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ Tư pháp như sau: “4. Việc thẩm định thời gian, công việc đã thực hiện là căn cứ để thanh toán thù lao, bồi dưỡng thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý”.	thẩm định hồ sơ, thời gian và công việc đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán thù lao, bồi dưỡng, không phải là tài liệu do người thực hiện TGPL hoặc Chi nhánh lập, cung cấp tại thời điểm đề nghị thanh toán.
Sở Tư pháp tỉnh/thành phố Thái Nguyên, Lâm Đồng, Hải Phòng, Lạng Sơn; Trung tâm TGPLNN thành phố Hải Phòng, Lâm Đồng, Lạng Sơn.		Khoản 6 Điều 22 quy định Chi nhánh chuyển hồ sơ đề nghị thanh toán về Trung tâm “trong thời hạn 30 ngày làm việc”; khoản 7 Điều 22 quy định Trung tâm thanh toán “trong thời hạn 30 ngày làm việc”, dẫn đến tổng thời hạn thanh toán thù lao, bồi dưỡng và chi phí thực hiện vụ việc TGPL có thể tới khoảng 60 ngày làm việc. Đề nghị cần nhắc rút ngắn các thời hạn để bảo đảm quyền lợi cho các chủ thể tham gia TGPL theo hướng tương tự việc thanh toán chi phí trong hoạt động tố tụng đã được quy định tại Nghị định 204/2025/NĐ-CP ngày 11/7/2025 của Chính phủ quy định về chi trả chi phí tố tụng.	Dự thảo được tiếp thu theo hướng rút ngắn thời hạn chuyển hồ sơ đề nghị thanh toán của Chi nhánh (xuống còn 20 ngày làm việc) nhằm bảo đảm việc chi trả thù lao, bồi dưỡng và chi phí thực hiện vụ việc TGPL được kịp thời, bảo đảm quyền lợi của người thực hiện TGPL và phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính. Tuy nhiên, để bảo đảm có đủ thời gian cần thiết cho Chi nhánh hoàn thiện, rà soát hồ sơ và cho Trung tâm kiểm tra, đối chiếu, thẩm định hồ sơ trước khi thực hiện thanh toán, dự thảo không quy định thời hạn quá ngắn mà giữ thời gian hợp lý, bảo đảm cân bằng giữa yêu cầu đẩy nhanh thanh toán và yêu cầu kiểm soát tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ. Việc quy định thời hạn cụ thể cũng được nghiên cứu, tham khảo quy định về chi trả chi phí tố tụng tại Nghị định số 204/2025/NĐ-CP ngày 11/7/2025 của Chính phủ.
Trung tâm TTGPLNN tỉnh Hưng Yên		Khoản 7 Điều 22, đề nghị bổ sung quy định xử lý đối với trường hợp người thực hiện TGPL không thể bổ sung được các giấy tờ hợp lệ theo yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm	Tiếp thu ý kiến này và bổ sung một đoạn vào khoản 7 như sau: “Trường hợp người thực hiện TGPL không bổ sung được đầy

		việc thì việc thanh toán thực hiện như thế nào.	<i>đủ giấy tờ, tài liệu hợp lệ theo yêu cầu trong thời hạn quy định thì việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở hồ sơ, tài liệu thực tế đã có và đủ căn cứ xác định nội dung, kết quả thực hiện vụ việc”.</i>
Về kiến nghị trong hoạt động TGPL	Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn; Trung tâm TGPLNN tỉnh Lai Châu	Luật TGPL sửa đổi giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục kiến nghị nhưng quy định như dự thảo hiện tại còn chung chung, khó thực hiện, đề nghị chia Điều 23 thành 3 khoản rõ ràng như sau: <i>“1. Khi phát hiện căn cứ cần kiến nghị, người thực hiện TGPL phải báo cáo người đứng đầu tổ chức TGPL để xem xét, quyết định việc kiến nghị;</i> <i>2. Cơ quan nhận được kiến nghị phải trả lời bằng văn bản trong 15 ngày làm việc; trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày;</i> <i>3. Trường hợp cơ quan nhận kiến nghị không trả lời đúng hạn, tổ chức trợ giúp pháp lý có quyền kiến nghị lên cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan đó để giải quyết.”</i>	Tiếp thu ý kiến này và chỉnh lý trong dự thảo theo hướng làm rõ trách nhiệm của người thực hiện TGPL, Trung tâm và cơ quan nhận kiến nghị.
	Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Hải Phòng, Lạng Sơn; Trung tâm TGPLNN tỉnh Hưng Yên,	- Đối với vụ việc tham gia tố tụng, thời hạn trả lời kiến nghị đối với các vụ việc tham gia tố tụng từ 15 đến 30 ngày là quá dài và không phù hợp với tính chất khẩn trương của hoạt động tố tụng (tạm giữ, điều tra, truy tố...) phát sinh trong tố tụng, thời hạn trả lời theo quy định của pháp luật tố tụng hoặc không quá 05 ngày làm việc. Vì nếu cơ quan nhận kiến nghị trả lời chậm, giai đoạn tố tụng có thể đã kết thúc hoặc vụ án đã xét xử xong, làm mất đi ý nghĩa của việc kiến nghị và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người được TGPL.	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý dự thảo Nghị định theo hướng quy định cụ thể hơn trách nhiệm giải quyết kiến nghị, bảo đảm phù hợp với tính chất, yêu cầu khẩn trương của hoạt động tố tụng, hạn chế tình trạng kiến nghị không được giải quyết kịp thời làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL.

		- Dự thảo Nghị định cần quy định rõ trình tự và trách nhiệm của cơ quan giải quyết khiếu nại nếu không hoạt động này sẽ mang tính hình thức, không có tính ràng buộc chặt chẽ.	
Về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Bộ Khoa học và Công nghệ; Cục Kiểm soát thủ tục hành chính; Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố Thái Nguyên, Lào Cai, Hà Nội	Đề nghị đổi tên Điều 24 thành “ <i>Giải quyết khiếu nại</i> ” nhằm bảo đảm thống nhất với quy định tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL, trong đó giao “ <i>Chính phủ quy định chi tiết khoản này; quy định trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại trong trợ giúp pháp lý</i> ”. Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định cụ thể về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại trong hoạt động TGPL để thể chế đầy đủ các quy định của khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL, làm rõ thẩm quyền, trình tự, thời hạn giải quyết và trách nhiệm của các cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, bảo đảm thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật về khiếu nại.	Tiếp thu ý kiến này và đổi tên Điều 24 thành “ <i>Giải quyết khiếu nại</i> ”
	Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên	Khoản 1 Điều 24 của dự thảo về việc người đứng đầu tổ chức thực hiện TGPL “ <i>giải quyết khiếu nại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại</i> ” chưa phù hợp với Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011, theo đó thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu được tính kể từ ngày thụ lý và không quá 30 ngày (45 ngày đối với vụ việc phức tạp). Thời hạn 03 ngày làm việc là quá ngắn để thực hiện đầy đủ các bước xác minh, xem xét, thụ lý và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ đây là thời hạn tiếp nhận, thụ lý hoặc xem xét ban đầu hay là thời hạn giải quyết khiếu nại; trường hợp là thời hạn giải quyết khiếu nại thì cần sửa đổi để bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật về khiếu nại về mốc thời gian và	Khiếu nại đối với các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật TGPL là cơ chế khiếu nại đặc thù trong lĩnh vực TGPL, không thuộc phạm vi điều chỉnh trực tiếp của Luật Khiếu nại. Việc không áp dụng trực tiếp toàn bộ trình tự, thủ tục của Luật Khiếu nại không có nghĩa là loại trừ các nguyên tắc bảo đảm quyền khiếu nại. Dự thảo đã quy định cụ thể về chủ thể có quyền khiếu nại, đối tượng khiếu nại, thẩm quyền, thời hạn và trình tự giải quyết, bảo đảm việc khiếu nại được xem xét, giải quyết kịp thời, khách quan và đúng thẩm quyền.

		trình tự giải quyết. Tương tự khoản 2 Điều 24 của dự thảo cũng cần sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011.	
Về cơ sở dữ liệu về TGPL	Sở Tư pháp các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng; Trung tâm TGPLNN số 2 tỉnh Vĩnh Long	- Đề nghị nghiên cứu bổ sung hoặc hướng dẫn rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc cập nhật, chuẩn hóa, kiểm tra tính chính xác và chia sẻ dữ liệu. Việc này nhằm đảm bảo Cơ sở dữ liệu TGPL được triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số. - Quy định rõ danh mục các trường thông tin, dữ liệu bắt buộc phải chia sẻ giữa cơ sở dữ liệu TGPL với các hệ thống lớn khác như Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu tư pháp. Việc chuẩn hóa này giúp các quy định về khai thác dữ liệu điện tử (như Điều 17) có thể triển khai đồng bộ ngay khi Nghị định có hiệu lực. - Luật Dữ liệu năm 2024 vào phần căn cứ ban hành của Nghị định do dự thảo có các quy định quan trọng về khai thác dữ liệu điện tử và cơ sở dữ liệu (tại các Điều 17, 25, 26), việc bổ sung này sẽ đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ với hệ thống pháp luật về dữ liệu.	- Đối với việc quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc cập nhật, chuẩn hóa, kiểm tra tính chính xác và chia sẻ dữ liệu và quy định rõ cụ thể danh mục trường thông tin, dữ liệu bắt buộc chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu về TGPL với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu tư pháp và các hệ thống thông tin khác cần được thực hiện theo quy định của pháp luật về dữ liệu, kết nối và chia sẻ dữ liệu, bảo đảm phù hợp với yêu cầu về thẩm quyền, tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo mật và an toàn thông tin. Do đó, không dự thảo Nghị định không quy định cụ thể để tránh chồng chéo, bảo đảm tính thống nhất và khả năng cập nhật khi các quy định về dữ liệu, kết nối và chia sẻ dữ liệu được thay đổi. - Việc đưa Luật Dữ liệu năm 2024 vào phần căn cứ ban hành Nghị định là chưa cần thiết, vì căn cứ ban hành phải là văn bản quy phạm pháp luật trực tiếp làm cơ sở pháp lý cho việc ban hành Nghị định. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định về Cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý, dự thảo Nghị định sẽ bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc, yêu cầu và quy

			định có liên quan của Luật Dữ liệu năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành, qua đó bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.
Về chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; Trung tâm TGPLNN tỉnh Quảng Trị	Đề nghị bỏ quy định về chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng trong hoạt động TGPL vì số lượng vụ việc tham gia tố tụng của từng Trợ giúp viên pháp lý thực tế phụ thuộc hoàn toàn vào nhu cầu TGPL của người dân tại từng thời điểm và địa phương. Ngoài ra, việc thực hiện vụ việc còn tùy thuộc vào tính chất đơn giản hay phức tạp của từng vụ án cụ thể, điều này ảnh hưởng đến khả năng phân bổ thời gian của Trợ giúp viên pháp lý. Nếu dự thảo áp dụng một chỉ tiêu cứng (cố định) cho mọi địa phương và mọi Trợ giúp viên pháp lý là chưa phù hợp vì điều kiện thực tế, mật độ dân cư và tình hình an ninh trật tự ở mỗi nơi rất khác nhau.	Việc quy định chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng nhằm làm cơ sở đánh giá khối lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Trợ giúp viên pháp lý. Chỉ tiêu cụ thể không quy định cứng trong Nghị định mà giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định giao chỉ tiêu vụ việc TGPL tham gia tố tụng trên cơ sở yêu cầu thực tiễn, tính chất, mức độ vụ việc và điều kiện thực tế của từng địa phương, bảo đảm phù hợp, linh hoạt, không áp dụng máy móc một mức chỉ tiêu cho mọi Trợ giúp viên pháp lý và địa phương.
	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi	Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “ <i>tham gia tố tụng</i> ” trong tên Điều và nội dung khoản 1, 2 của Điều này. Bởi vì, theo quy định của Luật TGPL thì ngoài việc tham gia tố tụng, trợ giúp viên pháp lý còn phải tham gia đại diện ngoài tố tụng và tư vấn pháp luật. Nếu chỉ tính vụ việc tham gia tố tụng sẽ không phản ánh đúng khối lượng công việc mà trợ giúp viên pháp lý phải thực hiện, không thống nhất giữa các địa phương, tạo áp lực chạy theo số lượng vụ việc tố tụng. Ngoài ra việc tham gia tố tụng còn phụ thuộc vào hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng nên việc giao chỉ tiêu cần kết hợp giữa định tính và định lượng (mỗi địa phương sẽ có số lượng vụ việc phát sinh và kết thúc khác nhau, tùy tình hình cụ thể). Vì vậy, chỉ tiêu thực hiện vụ việc TGPL cần	Cơ quan chủ trì soạn thảo xác định hoạt động tham gia tố tụng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cần được ưu tiên trong hoạt động TGPL, do đây là hình thức TGPL có tính chất phức tạp, trực tiếp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm và năng lực chuyên môn của trợ giúp viên pháp lý. Quy định chỉ tiêu tham gia tố tụng không có nghĩa phủ nhận hoặc xem nhẹ hoạt động đại diện ngoài tố tụng và tư vấn pháp luật. Các

		xác định dựa trên các cơ sở như: số lượng vụ việc, khối lượng, chất lượng, tính chất và mức độ phức tạp của công việc để không tạo áp lực chạy theo số lượng vụ việc, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL và tránh tình trạng “đếm đầu vụ việc” như đang gặp trong thực tiễn.	hình thức TGPL này vẫn được thực hiện theo quy định của pháp luật và được xem xét trong đánh giá tổng thể kết quả thực hiện nhiệm vụ của trợ giúp viên pháp lý. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII xác định nhiệm vụ “nâng cao vai trò, tính chuyên nghiệp và chất lượng trợ giúp pháp lý, nhất là trong <i>hoạt động tố tụng tư pháp</i>”. Do đó, việc quy định chỉ tiêu đối với vụ việc tham gia tố tụng là phù hợp với định hướng của Đảng, nhằm ưu tiên, tập trung nguồn lực và nâng cao chất lượng TGPL trong hoạt động tố tụng tư pháp.
Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố Hải Phòng, Quảng Ninh; Trung tâm TGPLNN tỉnh Lai Châu	- Tại khoản 1 Điều 9, đề nghị bỏ cụm từ “ <i>thích hợp</i> ” trong đoạn “ <i>điều kiện làm việc thích hợp</i> ” vì cụm từ này mang tính định tính, chưa có tiêu chí cụ thể để xác định mức độ bảo đảm, dễ dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau trên thực tế. Việc lược bỏ sẽ giúp quy định rõ ràng, minh bạch và có tính khả thi hơn; lược bỏ quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị và điều kiện làm việc cho Trung tâm để tránh trùng lặp vì nội dung này đã được quy định tại khoản 1 Điều 28.	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bỏ cụm từ “ <i>thích hợp</i> ” tại khoản 1 Điều 9.
Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	- Tại khoản 1 Điều 29: Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ Tư pháp hướng	Tiếp thu ý kiến này, đồng thời chỉnh lý khoản 1 và khoản 2 Điều 29 như sau: “1. <i>Truyền thông về trợ giúp pháp lý; phối</i>

cấp xã		dẫn thi hành quyết định số 27/2025/QĐ-TTG quy định như sau: <i>“Chỉ tiêu 7. Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý:</i> <i>1. Ban hành kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.</i> <i>2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm...”</i> Căn cứ quy định trên, truyền thông về TGPL là một trong những nội dung tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật xác định xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và được xác định là trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã. Do đó, đề nghị thay thế từ “hoặc” bằng từ “và”, sửa thành: <i>“Truyền thông về trợ giúp pháp lý và phối hợp với Trung tâm, Chi nhánh của Trung tâm trong việc truyền thông về trợ giúp pháp lý”</i> - Tại khoản 2, Điều 29: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công dân, không phải trường hợp nào công dân thuộc diện người được TGPL cũng có vụ việc cụ thể liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân cần được TGPL. Do đó, đề nghị sửa thành: <i>“Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công dân, trường hợp công dân là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý và có vụ việc cụ thể liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên địa bàn thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu đến Trung tâm.”</i>	<i>hợp với Trung tâm, Chi nhánh của Trung tâm trong việc truyền thông về trợ giúp pháp lý;</i> <i>2. “Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công dân, trường hợp công dân là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý và có vụ việc cụ thể liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên địa bàn thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu đến Trung tâm, Chi nhánh của Trung tâm”.</i>
	Bộ dân tộc và Tôn giáo	- Đề nghị bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong hỗ trợ người dân tộc thiểu số chuyển yêu cầu TGPL;	Các nội dung đề nghị bổ sung về hỗ trợ người dân tộc thiểu số chuyển yêu cầu

		truyền thông bằng ngôn ngữ, hình thức phù hợp; phối hợp với cơ quan công tác dân tộc; hỗ trợ người không có điều kiện sử dụng dịch vụ công trực tuyến. - Tại các tỉnh miền núi, biên giới, Ủy ban nhân dân cấp xã cần chủ trì phối hợp với các trường học (đặc biệt là trường dân tộc nội trú, bán trú) để phổ biến chính sách TGPL cho học sinh thuộc diện đối tượng và gia đình họ.	TGPL, truyền thông bằng ngôn ngữ, hình thức phù hợp, phối hợp với cơ quan công tác dân tộc và hỗ trợ người dân không có điều kiện sử dụng dịch vụ công trực tuyến, chủ trì phối hợp với các trường học (đặc biệt là trường dân tộc nội trú, bán trú) để phổ biến chính sách TGPL cho học sinh thuộc diện đối tượng và gia đình họ về bản chất đã thuộc trách nhiệm chung của Ủy ban nhân dân cấp xã trong tổ chức thực hiện chính sách pháp luật, cung cấp dịch vụ công và hỗ trợ người dân tiếp cận các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn. Việc quy định riêng, chi tiết các trách nhiệm này trong Nghị định có thể dẫn đến trùng lặp với quy định pháp luật có liên quan và làm phát sinh thêm trách nhiệm hành chính không cần thiết.
	Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau	Đề nghị bổ sung Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm xác nhận thu nhập và hoàn cảnh (ví dụ, xác nhận người lao động có thu nhập thấp đối với người bị buộc tội, bị hại hoặc người gặp khó khăn đột xuất do thiên tai, hỏa hoạn để làm căn cứ thực hiện TGPL).	Việc xác nhận thu nhập, hoàn cảnh của người dân thuộc trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan. Nội dung này đã được quy định tại các văn bản pháp luật khác, do đó không cần thiết quy định lại trách nhiệm cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp xã trong Nghị định này nhằm bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo và trùng lặp trong hệ thống pháp luật.

	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Lạng Sơn; Trung tâm TGPLNN các tỉnh/thành phố: Lạng Sơn, Lai Châu	Đề nghị bổ sung trách nhiệm giải thích quyền được TGPL cho các đối tượng yếu thế và hỗ trợ công dân chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ yêu cầu TGPL.	Nội dung này đã được quy định trong Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản hướng dẫn thi hành, theo đó tổ chức thực hiện TGPL có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn người được TGPL thực hiện các thủ tục, hồ sơ để yêu cầu TGPL. Việc quy định thêm trách nhiệm này đối với Ủy ban nhân dân cấp xã có thể dẫn đến chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm chuyên môn giữa cơ quan hành chính cấp xã với tổ chức thực hiện TGPL.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Lạng Sơn; Trung tâm TGPLNN các tỉnh/thành phố: Lạng Sơn, Lai Châu	Bổ sung trách nhiệm thông báo ngay cho tổ chức TGPL khi phát hiện công dân trên địa bàn có vướng mắc pháp luật để được hỗ trợ kịp thời.	Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp, tuyên truyền, giới thiệu, giới thiệu người thuộc diện TGPL đến Trung tâm khi họ có nhu cầu. Việc thông báo ngay đối với mọi trường hợp phát hiện công dân có vướng mắc pháp luật vì khó xác định phạm vi, thời điểm phát hiện và có thể phát sinh trách nhiệm hành chính không phù hợp với chức năng của Ủy ban nhân dân cấp xã.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Lạng Sơn; Trung tâm TGPLNN các tỉnh/thành phố: Lạng Sơn, Lai Châu	Đề nghị quy định thời hạn cụ thể (ví dụ 05 ngày làm việc) để Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời xác minh, tránh kéo dài thời gian thụ lý vụ việc của người dân,	Việc xác minh cần căn cứ vào tính chất, nội dung và nguồn thông tin cần xác minh của từng trường hợp, do đó không phù hợp để quy định một thời hạn cứng áp dụng chung. Mặt khác, pháp luật về TGPL đã quy định trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết yêu cầu TGPL; việc bổ sung thời hạn riêng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã có thể làm phát sinh thêm thủ tục và không bảo đảm tính

			linh hoạt trong thực tiễn. Trường hợp cần xác minh, các cơ quan có liên quan thực hiện phối hợp, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn; Trung tâm TGPLNN tỉnh Lạng Sơn	- Đề nghị bổ sung: Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí địa điểm phù hợp để Trung tâm/Chi nhánh thực hiện các hoạt động TGPL ngay tại địa bàn cơ sở. - Bổ sung quy định Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với “Chi nhánh của Trung tâm” thay vì chỉ nhắc đến Trung tâm như dự thảo hiện tại	Tiếp thu ý kiến này, dự thảo đã bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc bố trí địa điểm phù hợp để Trung tâm/Chi nhánh trợ giúp pháp lý thực hiện các hoạt động TGPL tại địa bàn cơ sở, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ TGPL; bổ sung quy định Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Chi nhánh của Trung tâm trong công tác TGPL.
	Trung tâm TGPLNN tỉnh Lai Châu.	Kịp thời phản ánh, trao đổi với Trung tâm về những khó khăn phát sinh trong quá trình triển khai TGPL tại địa phương để có biện pháp hướng dẫn, xử lý	Tiếp thu ý kiến này, dự thảo đã bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phản ánh, trao đổi với Trung tâm về những khó khăn phát sinh trong quá trình triển khai TGPL tại địa phương
Những nội dung khác	Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Về các thủ tục liên quan tới cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên TGPL (Điều 10 đến Điều 16): đề nghị rà soát, bổ sung, làm rõ nội dung khi cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ thì xử lý việc chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung giấy tờ tài liệu trong hồ sơ như thế nào, thời hạn và kết quả xử lý ra sao.	Tiếp thu ý kiến này và rà soát, bổ sung, làm rõ nội dung khi cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ thì xử lý việc chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung giấy tờ tài liệu trong hồ sơ như thế nào, thời hạn và kết quả xử lý
	Hội Luật gia Việt Nam	Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về cơ chế huy động, khuyến khích các nguồn lực xã hội tham gia TGPL. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL đã mở rộng	Cơ chế huy động, kết nối và khuyến khích các nguồn lực xã hội tham gia TGPL là chính sách phạm vi rộng, liên quan đến

		đối tượng có thể tham gia làm cộng tác viên TGPL, mở rộng hình thức thực hiện TGPL của cộng tác viên; đồng thời khoản 4 Điều 4 của Luật cũng đã quy định về chính sách của Nhà nước về TGPL: “<i>Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích, ghi nhận và tôn vinh các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp cho hoạt động TGPL</i>”. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa quy định cụ thể về cơ chế huy động, kết nối và khuyến khích các nguồn lực xã hội tham gia TGPL.	nhiều lĩnh vực và chủ thể, cần được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và điều kiện thực tế. Nghị định tập trung quy định các nội dung được Luật giao, bảo đảm tính ổn định, thống nhất và tránh quy định trùng lặp hoặc vượt quá phạm vi điều chỉnh của Nghị định. Trong quá trình tổ chức thực hiện, cơ quan quản lý nhà nước về TGPL và các tổ chức thực hiện TGPL có thể chủ động phối hợp, kết nối, vận động các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp cho hoạt động TGPL theo quy định của pháp luật.
Vụ Tổ chức cán bộ; Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai; Trung tâm TGPLNN tỉnh Hưng Yên, Lai Châu.		- Nếu dự thảo không bổ sung chính sách cho viên chức hỗ trợ, đề nghị lược bỏ cụm từ “<i>viên chức của Trung tâm</i>” khỏi tiêu đề Điều 18 để tránh hiểu nhầm khi áp dụng. - Đề nghị rà soát và điều chỉnh cụm từ “<i>ưu đãi đối với viên chức và người lao động của Trung tâm</i>” tại các điều khoản khác (như Điều 28) để đảm bảo tính đồng bộ trong toàn bộ dự thảo Nghị định. - Đề nghị bỏ cụm từ “<i>phục vụ việc</i>” tại khoản 3 Điều 9 và sửa lại thành: “<i>Trung tâm được sử dụng kinh phí nghiệp vụ để thực hiện vụ việc...</i>” để câu văn gọn gàng, súc tích và đúng kỹ thuật lập pháp. - Đề nghị rà soát, chỉnh lý cách diễn đạt khoản 1 Điều 9 để bảo đảm mạch lạc, rõ ý, tránh trúc trắc và thống nhất về thẩm quyền đề xuất, tham mưu về công tác giao số lượng người làm việc tại địa phương.	Tiếp thu ý kiến này, cơ quan chủ trì soạn thảo lược bỏ cụm từ “<i>viên chức của Trung tâm</i>” khỏi tiêu đề của Điều 18; rà soát và điều chỉnh cụm từ “<i>ưu đãi đối với viên chức và người lao động của Trung tâm</i>” tại các điều khoản có liên quan; bỏ cụm từ “<i>phục vụ việc</i>” tại khoản 3 Điều 9 và sửa lại thành: “<i>Trung tâm được sử dụng kinh phí nghiệp vụ để thực hiện vụ việc...</i>”; rà soát, chỉnh lý các diễn đạt tại khoản 1 Điều 9.